

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:14/2017/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2017*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2017**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung các điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu tiền thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (tại Công văn số 77/HĐND-KTNS ngày 27/3/2017);

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại Tờ Trình số 468/TTr-STC ngày 23/02/2017); ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 34/BC-STP ngày 21/02/2017).

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2017. Bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh: số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016, số 38/2016/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, số 58/2016/QĐ-UBND ngày 12/10/2016, số 64/2016/QĐ-UBND ngày 21/10/2016, số 65/2016/QĐ-UBND ngày 24/10/2016, số 72/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016, số 75/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, số 81/2016/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 về nội dung ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Giao trách nhiệm Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở

Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2017**

*(Kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)*

**Phần A**

**ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**

**I. Đối tượng áp dụng:**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các nội dung có liên quan đến việc xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh.

**II. Phạm vi điều chỉnh**

Bảng hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ để xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

1. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

2. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất.

3. Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

4. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

5. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.

6. Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

7. Đối với các trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo.

**8.** Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

**9.** Trường hợp được Nhà nước giao đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì người sử dụng đất phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất.

Đối với các trường hợp được quy định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 mục này được áp dụng đối với các thửa đất hoặc khu đất có dự án có giá trị dưới 20 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất).

## **Phần B**

### **XÁC ĐỊNH ĐÔ THỊ, ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT**

#### **I. Xác định đô thị, đường phố, vị trí đất phi nông nghiệp tại đô thị:**

##### **1. Xác định đô thị:**

- Thành phố Tuy Hòa: Đô thị loại II.
- Thị xã Sông Cầu: Đô thị loại IV.
- Các thị trấn: Chí Thạnh, Phú Hòa, Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung, Phú Thứ, Hai Riêng, Củng Sơn, La Hai: Đô thị loại V.

##### **2. Xác định đường phố, vị trí đất ở trong đô thị:**

Mỗi đoạn, đường phố trong đô thị phân 4 vị trí đất được xác định theo tiêu thức:

- Vị trí 1: Áp dụng đối với đất liền cạnh đường phố (mặt tiền) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất.
- Vị trí 2: Áp dụng đối với đất không liền cạnh đường phố (ngõ, hẻm) có chiều rộng của đường từ 6m trở lên có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 3: Áp dụng đối với đất không liền cạnh đường phố (ngõ, hẻm) có chiều rộng của đường từ 2m đến dưới 6m có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 4: Áp dụng đối với đất ngõ, hẻm của các ngõ, hẻm thuộc vị trí 2 và 3 nêu trên và các vị trí còn lại trong đô thị có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.

#### **II. Xác định vùng đất, vị trí đất phi nông nghiệp tại nông thôn:**

##### **1. Xác định vùng đất:** 02 vùng (Đồng bằng và miền núi).

##### **2. Xác định vị trí đất ở tại nông thôn:**

Mỗi xã phân theo 2 khu vực và 4 vị trí đất như sau:

###### a) Khu vực:

- Khu vực 1: Đất thuộc trung tâm xã, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp, khu ven trung tâm đô thị có giá đất thị trường trung bình cao nhất.
- Khu vực 2: Đất thuộc khu vực còn lại trên địa bàn xã (ngoài khu vực 1) có giá đất thị trường trung bình thấp nhất.

###### b) Vị trí:

- Vị trí 1: Đất có mặt tiền tiếp giáp với trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ), đường liên xã, đường liên thôn có mức giá thực tế cao nhất trong khu vực.
- Vị trí 2: Đất tiếp giáp các đường rộng từ 4m trở lên (không thuộc vị trí 1 nêu trên) có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.
- Vị trí 3: Đất tiếp giáp các đường rộng từ 2m đến dưới 4m (không thuộc vị trí 1 nêu trên) có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.

- Vị trí 4: Đất tiếp giáp các đường rộng dưới 2mét và các vị trí thuộc hẻm của các vị trí 2 và 3 nêu trên (không thuộc vị trí 1) có trải nhựa, bê tông xi măng hoặc đường đất.

### **III. Xác định vùng đất, vị trí đất nông nghiệp:**

1. Xác định vị trí đất trồng lúa nước, trồng cây hàng năm còn lại, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ và đất nông nghiệp khác (gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh):

a) 2 yếu tố về khoảng cách qui định như sau:

- Đất có khoảng cách so với trung tâm nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất (thôn, buôn, xóm, bản nơi có đất) hoặc khu dân cư, điểm dân cư tập trung, đến thị trường tiêu thụ tập trung sản phẩm trong phạm vi bán kính 1.000mét.

- Đất có khoảng cách so với đường giao thông (giao thông đường bộ bao gồm quốc lộ, tỉnh lộ; đường liên huyện, liên xã; giao thông đường thủy bao gồm: sông, ngòi, kênh) trong phạm vi bán kính 1.000mét.

b) Mỗi xã, phường, thị trấn được xác định 4 vị trí đất nông nghiệp như sau:

- Vị trí 1: Áp dụng đối với thửa đất có 1 trong 2 yếu tố về khoảng cách nói trên, đồng thời tưới, tiêu chủ động nước hoàn toàn.

- Vị trí 2: Áp dụng đối với thửa đất có 1 trong 2 yếu tố về khoảng cách nói trên nhưng không tưới, tiêu chủ động nước hoàn toàn hoặc các thửa đất tưới, tiêu chủ động nước hoàn toàn nhưng không có 1 trong 2 yếu tố về khoảng cách.

- Vị trí 3: Áp dụng đối với thửa đất không thuộc quy định vị trí 1, vị trí 2 nêu trên và không phải đất cần cỗi, sỏi đá, bạc màu.

- Vị trí 4: Áp dụng đối với đất cần cỗi, sỏi đá, bạc màu. Trường hợp các thửa đất có các yếu tố như ở vị trí 1, vị trí 2 nhưng đất cần cỗi, sỏi đá, bạc màu thì xác định là vị trí 4.

### **2. Xác định vị trí đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối:**

- Vị trí 1: Áp dụng đối với thửa đất có khoảng cách từ nơi sản xuất đến thị trường tiêu thụ tập trung sản phẩm hoặc đến đường giao thông (giao thông đường bộ bao gồm Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã; giao thông đường thủy bao gồm: sông, ngòi, kênh) trong phạm vi bán kính 500mét.

- Vị trí 2: Áp dụng đối với các thửa đất còn lại.

## **Phần C**

### **XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC LOẠI ĐẤT MÀ CHÍNH PHỦ CÓ QUI ĐỊNH KHUNG GIÁ ĐẤT**

#### **I. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:**

1. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị (Chi tiết kèm theo Phụ lục 1).

2. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn (Chi tiết kèm theo Phụ lục 2).

3. Đối với loại đất thương mại, dịch vụ; loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

**II. Đối với nhóm đất nông nghiệp:****1. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm gồm:**

**1.1. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng lúa nước 2 vụ:** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 3).

**1.2. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm (trừ đất trồng lúa nước 2 vụ):** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 4).

**2.2. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây lâu năm:** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 5).

**2.3. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất rừng sản xuất:** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 6).

**2.4. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất nuôi trồng thủy sản:** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 7).

**1.5. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất làm muối:** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 8).

**III. Đối với đất các đảo:**

**Bảng hệ số điều chỉnh giá đất các đảo:** (Chi tiết kèm theo Phụ lục 9).

**Phần D****XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC LOẠI ĐẤT  
MÀ CHÍNH PHỦ KHÔNG QUI ĐỊNH KHUNG GIÁ ĐẤT**

Đối với các loại đất mà Chính phủ không qui định khung giá đất thì hệ số điều chỉnh giá đất được xác định bằng 1,0.

Các quy định khác không có trong Bảng hệ số điều chỉnh giá đất này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiên**

**UBND TỈNH PHÚ YÊN**

**PHỤ LỤC 1**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I.</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>				
<b>A</b>	<b>Các Phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Độc Lập: (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>2</b>	<b>Đường Lê Duẩn: (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>3</b>	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>4</b>	<b>Đường Huyện Trần Công Chúa</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>5</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>6</b>	<b>Đường Trường Chinh:</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Phù Đổng (công ký túc xá Trường Cao đẳng nghề)	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
<b>7</b>	<b>Đường Bà Triệu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>8</b>	<b>Đại Lộ Hùng Vương:</b>				
-	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Hưng Đạo	1,4			
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Phú	1,5	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Đài	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>9</b>	<b>Đường Trần Nhật Duật:</b> đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Công Trứ	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>10</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b> đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ Khu dân cư Rạch Bầu Hạ	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>11</b>	<b>Đường Trần Mai Ninh:</b> đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến nhà số 109/2 Chu Văn An	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>12</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>13</b>	<b>Đường Chu Văn An:</b> đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp Sân vận động	1,4	1,4	1,4	1,4
<b>14</b>	<b>Đường Trần Cao Vân:</b> đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
15	<b>Đường Duy Tân:</b> đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Điện Biên Phủ	1,4	1,4	1,4	1,4
16	<b>Đường Lương Văn Chánh:</b>				
-	Đoạn từ phía Nam Trung tâm Vòng tay âm Thành phố đến đường Nguyễn Huệ	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ (tên trong Bảng giá đất năm 2014: đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường nội bộ rộng 6mét)	1,4	1,4		
17	<b>Đường Phạm Hồng Thái</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
18	<b>Đường Ngô Quyền</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
19	<b>Đường Nguyễn Trãi</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
20	<b>Đường Trần Bình Trọng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
21	<b>Đường Trần Quý Cáp</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
22	<b>Đường Nguyễn Thái Học</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
23	<b>Đường Chu Mạnh Trinh</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
24	<b>Đường Huỳnh Thúc Kháng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
25	<b>Đường Yersin</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
26	<b>Đường Phan Đình Phùng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
27	<b>Đường Lê Thành Phương</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
28	<b>Đường Phan Bội Châu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
29	<b>Đường Cao Thắng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
30	<b>Đường Lê Trung Kiên</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
31	<b>Đại Lộ Nguyễn Tất Thành:</b>				
-	Đoạn từ Bắc cầu Sông Chùa đến ranh giới Phường 8 và Phường 9	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ ranh giới Phường 8 và Phường 9 đến ranh giới Phường 9 và xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn đường phía Tây từ đường Trần Phú đến hết Cửa hàng bia đối chứng 2 của Nhà máy bia Sài Gòn	1,4			
32	<b>Đường Nguyễn Trung Trực</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
33	<b>Đất có mặt tiền tiếp giáp Bến xe nội thành</b>	1,4			
34	<b>Khu vực cảng cá Phường 6</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
35	<b>Đường Bạch Đằng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
36	<b>Đường Nguyễn Công Trứ</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
37	<b>Đường Tản Đà</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
38	<b>Đường Trần Hưng Đạo:</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,5	1,5	1,4	1,4

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
39	<b>Đường Nguyễn Trường Tộ</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
40	<b>Đường Lý Thái Tô</b>	1,5	1,4	1,4	1,4
41	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
42	<b>Đường Hồ Xuân Hương</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
43	<b>Đường Hoàng Diệu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
44	<b>Đường Lê Thánh Tôn</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
45	<b>Đường Thành Thái:</b> đoạn từ đường Duy Tân đến đường Lương Văn Chánh	1,4	1,4	1,4	
46	<b>Đường Lê Lai</b>	1,4			
47	<b>Đường Lê Lợi</b>	1,5	1,4	1,4	1,4
48	<b>Đường Nguyễn Du</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
49	<b>Đường Nguyễn Huệ:</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Trường Chinh	1,6	1,5	1,4	1,4
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Trung Kiên	1,5	1,5	1,4	1,4
<b>50.a</b>	<b>Đường Điện Biên Phủ:</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Hùng Vương (đã có trong Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015 - 2019)	1,5	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường NB4 (sau khi được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)	1,5			
<b>50.b</b>	<b>Dự án cơ sở hạ tầng khu phố Điện Biên Phủ (sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)</b>				
-	Các trục đường quy hoạch rộng 16m (bao gồm đường Hai Bà Trung đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ; đường N1 đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ; đường Lương Văn Chánh đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường Điện Biên Phủ)	1,5			
-	Trục đường D1 (quy hoạch rộng 10m)	1,5			
51	<b>Đường Hàm Nghi:</b> đoạn từ đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ đến đường Lê Trung Kiên	1,4	1,4	1,4	1,4
52	<b>Đường Cần Vương:</b> đoạn từ đường Lê Thành Phương đến Nguyễn Thái Học	1,4			
53	<b>Đường Lương Tấn Thịnh (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
54	<b>Đường Nguyễn Văn Cừ (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
55	<b>Đường Đông Khởi</b>	1,4	1,4	1,4	1,4

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
56	<b>Đường Phan Lưu Thanh</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
57	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
58	<b>Đường Lý Tự Trọng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
59	<b>Đường Lê Hồng Phong</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
60	<b>Đường Mai Xuân Thưởng</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
61	<b>Đường Trần Phú:</b>				
-	Đoạn từ đường Độc Lập đến đại lộ Nguyễn Tất Thành	1,5	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường vành đai thành phố	1,4	1,4	1,4	1,4
62	<b>Đường Hoàng Văn Thụ:</b> đoạn từ đường Hùng Vương đến tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú	1,5	1,4	1,4	1,4
63	<b>Tuyến đường bao phía Tây khu dân cư Hưng Phú</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
64	<b>Đường Phù Đổng</b>	1,4			
65	<b>Đường Trương Định (toàn tuyến)</b>	1,4			
66	<b>Đường Tây Sơn (toàn tuyến)</b>	1,4			
67	<b>Đường Lương Thế Vinh (toàn tuyến)</b>	1,5			
68	<b>Đường vào Công ty cổ phần An Hưng</b>	1,4			
69	<b>Đường Nguyễn Bình Khiêm</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
70	<b>Đường số 11 (toàn tuyến)</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
71	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư Rạch Bàu Hạ:</b> Đường rộng: 10mét-dưới 16mét; 6mét-dưới 10mét	1,4			
72	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư Nguyễn Thái Học:</b> Đường rộng 10mét và 6mét	1,4			
73	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư số 2 dọc đường Trần Phú:</b> Đường rộng: 22,6mét; 12mét; 8mét và 9mét; 6mét	1,4			
74	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư Nghị Trần:</b> Đường rộng: 16mét; 10mét; 6mét-dưới 10mét	1,4			
75	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư Cây Muồng:</b> Đường rộng: 12mét; 6mét-dưới 10mét	1,4			
76	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư Hưng Phú:</b> Đường rộng: 16mét; 10mét-13,5mét	1,5			
77	<b>Xã lộ 20:</b> đoạn từ Khu Khoáng sản 5 đến giáp xã Hòa Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
78	<b>Đường Mậu Thân:</b> đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
79	<b>Đường Nguyễn Hữu Thọ</b>	1,4	1,3	1,3	1,3
80	<b>Đường Tân Trào</b>	1,4			
81	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	1,4			
82	<b>Đường Nguyễn Hào Sự:</b> đoạn từ số nhà G-L13-30 đến đường An Dương Vương	1,4			
83	<b>Đường Phạm Ngọc Thạch:</b>				
-	Đoạn từ đường Tô Hữu đến đường Nguyễn Hữu Thọ; và các đoạn còn lại	1,4			
84	<b>Đường Nguyễn Thế Bảo</b> (đường quy hoạch 16mét): đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Tô Hữu	1,4			
85	<b>Đường Trần Suyên</b> (đường quy hoạch 20mét)	1,4			
86	<b>Đường Tô Hữu:</b> đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Suyên	1,4	1,3	1,3	1,3
87	<b>Đường Nguyễn Đức Cảnh:</b> đoạn từ đường Hùng Vương đến đường quy hoạch 16mét phía Tây khu dân cư Bộ đội Biên phòng	1,4	1,3	1,3	1,3
88	<b>Đường Phan Đăng Lưu</b>	1,4	1,3	1,3	1,3
89	<b>Đường rộng từ 6mét-dưới 10mét thuộc khu dân cư Ninh Tĩnh 1, 2 Bộ đội Biên phòng</b>	1,4			
90	<b>Đường An Dương Vương:</b> đoạn từ đường Trường Chinh đến đường quy hoạch phía Tây rộng 16mét	1,4			
91	<b>Đường Văn Cao:</b> đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Ngọc Thạch	1,4	1,3	1,3	1,3
92	<b>Đường Trần Hào</b>	1,4			
93	<b>Đường Lê Đài</b>	1,4			
94	<b>Đường rộng 20mét thuộc khu dân cư Công ty Cổ phần xây dựng Phú Yên:</b>				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Chí Linh	1,4			
-	Đoạn từ đường Chi Lăng đến đường Nguyễn Văn Huyền	1,4			
95	<b>Đường Nguyễn Văn Huyền:</b> đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
96	<b>Đường Chí Linh:</b> đoạn từ đường Trần	1,4			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hào đến đường An Dương Vương				
97	<b>Đường Chi Lăng:</b> đoạn từ đường Trần Hào đến đường An Dương Vương	1,4			
98	<b>Đường Nguyễn Mỹ:</b> đoạn từ đường Chi Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
99	<b>Đường Lưu Văn Liêu:</b> đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
100	<b>Đường Nguyễn Hoa:</b> đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
101	<b>Đường Trần Rịa:</b> đoạn từ đường Chí Linh đến đường Chi Lăng	1,4			
102	<b>Trục đường rộng 13,5mét thuộc khu dân cư FBS</b>	1,4			
103	<b>Các trục đường thuộc Khu tái định cư Phường 9:</b> đường rộng: 20mét; 16mét; 13mét; 10mét	1,3			
104	<b>Đường phía Tây Bệnh viện tỉnh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
105	<b>Đường quy hoạch số 1 thuộc Khu dân cư phía Đông:</b> đoạn từ đường Mai Xuân Thưởng đến đường Trần Phú	1,4			
106	<b>Đường Trần Quốc Toản:</b> đoạn từ đường Nguyễn Huệ-Hẻm số 17 Lê Lợi	1,4	1,4	1,4	1,4
107	<b>Đường Nguyễn Văn Huyền, Phường 7 và Phường 9, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường quy hoạch rộng 20mét (phía Bắc Trường Đại học Phú Yên)	1,5			
-	Đoạn từ đường quy hoạch rộng 20mét (phía Bắc Trường Đại học Phú Yên) đến đường Nguyễn Hữu Thọ	1,4			
-	Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Trần Hào	1,4			
108	<b>Các đường nội bộ rộng từ 10mét đến 13,5mét trong Khu Trung tâm Thương mại Vincom Tuy Hòa-Phú Yên, Phường 7, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư hạ tầng)</b>	1,5			
109	<b>Khu dân cư tại 47 Nguyễn Trung Trực, Phường 8:</b> Trục đường quy hoạch rộng 6mét	1,4			
B	<b>Khu vực phường Phú Lâm, phường Phú</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	<b>Thạnh, phường Phú Đông</b>				
1	<b>Đường Đinh Tiên Hoàng:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến công Nhà máy đóng tàu	1,3	1,3	1,3	1,3
2	<b>Đường Nguyễn Hồng Sơn:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
3	<b>Đường Bùi Thị Xuân:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
4	<b>Đường Phan Chu Trinh:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
5	<b>Đường Kim Đồng:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến bề tường phía Tây Nghĩa trang liệt sĩ	1,3	1,3	1,3	1,3
6	<b>Đường 27 tháng 7</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
7	<b>Đường Phạm Đình Quy:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Võ Thị Sáu	1,3	1,3	1,3	1,3
8	<b>Đường Thăng Long</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
9	<b>Đường 3 tháng 2</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
10	<b>Đường Lạc Long Quân:</b> đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến đường Nguyễn Văn Linh	1,3	1,3	1,3	1,3
11	<b>Đường Nguyễn Thị Định (toàn tuyến)</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
12	<b>Đường Phạm Văn Đông:</b> đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến đường Lạc Long Quân	1,3	1,3	1,3	1,3
13	<b>Đường Nguyễn Văn Linh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
14	<b>Đường Đoàn Thị Điểm:</b> đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Chiến Thắng	1,3	1,3	1,3	1,3
15	<b>Đường Đống Đa:</b> đoạn từ đường Trần Rén đến giáp cầu sắt Hòa Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
16	<b>Đường Trần Rén (toàn tuyến)</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
17	<b>Đường Nguyễn Anh Hào:</b> đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến giáp xã Hòa Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
18	<b>Đường Chiến Thắng:</b> đoạn từ giáp xã Hòa Thành, Đông Hòa đến hết Khu dân cư chợ Phú Lâm	1,3	1,3	1,3	1,3
19	<b>Đường Trần Kiệt</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
20	<b>Đường Võ Thị Sáu:</b> đoạn từ đường Thăng Long đến đường Nguyễn Hồng Sơn	1,3	1,3	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
21	<b>Yết Kiêu:</b> đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường Đinh Tiên Hoàng	1,3	1,3	1,3	1,3
22	<b>Đường Ngô Gia Tự:</b> đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Tất Thành	1,3	1,3	1,3	1,3
23	<b>Quốc lộ 1A:</b> đoạn từ ranh giới huyện Đông Hòa đến đại lộ Nguyễn Tất Thành (nút giao thông QL1A)	1,3			
24	<b>Các trục đường thuộc Khu tái định cư phường Phú Đông:</b> Đường rộng: trên 25mét; 20mét-25mét; 16mét-dưới 20mét; 12mét-dưới 16mét	1,3			
25	<b>Các trục đường thuộc khu nhà ở cho cán bộ LLVT thuộc bộ CHQS tỉnh:</b> Đường rộng: 16mét; 12mét; 10mét (năm 2014 là đường rộng 9mét, 8mét)	1,3			
26	<b>Đường Hùng Vương:</b> đoạn qua địa bàn phường Phú Đông	1,4			
27	<b>Khu khép kín khu dân cư khu phố 4, phường Phú Thạnh</b>	1,3			
28	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành</b> (đoạn từ nút giao thông Quốc lộ 1A-Nam cầu Đà Rằng)	1,3			
29	<b>Đường dọc biển từ đại lộ Hùng Vương đến giáp xã Hòa Hiệp Bắc</b> (dự kiến đặt tên đường Võ Nguyên Giáp)	1,3			
30	<b>Khu đất nhà ở cho chiến sỹ lực lượng vũ trang Công an tỉnh tại phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa:</b> Các trục đường quy hoạch rộng: 25mét; 16mét; 7mét	1,3			
31	<b>Khu đất nhà ở cán bộ lực lượng vũ trang thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh tại phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa:</b> Các trục đường quy hoạch rộng: 12mét; 10mét	1,3			
32	<b>Các trục đường thuộc dự án Nhà ở xã hội Nam Hùng Vương:</b> Đường quy hoạch rộng 42mét (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Nguyễn Hồng Sơn); và các trục đường quy hoạch rộng:	1,3			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	16mét; 12mét; 11mét				
33	<b>Đường Nguyễn Hồng Sơn:</b> đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết Khu nhà ở xã hội Nam Hùng Vương	1,3	1,3	1,3	1,3
34	<b>Đường Cao Bá Quát:</b> đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến giáp đường Trần Rèn	1,3	1,3	1,3	1,3
35	<b>Khu dân cư phía Bắc khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa:</b> Tuyến đường quy hoạch rộng: 42mét; 31mét; 25mét; 15,5mét	1,3			
36	<b>Khu dân cư cơ sở nhà hát nhân dân huyện Tuy Hòa và Khu tập thể huyện Đoàn Tuy Hòa (cũ) tại phường Phú Lâm (sau khi đã đầu tư hạ tầng)</b>				
-	Các trục đường quy hoạch rộng: 12mét; 7,5mét	1,3			
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
1.1	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Phương đến giáp đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu	1,3	1,3	1,0	1,0
1.2	Đường vào bãi rác thị xã Sông Cầu đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A (phía Bắc)	1,4	1,3	1,2	1,0
1.3	Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A đến giáp Bắc cầu Huyện	1,1	1,1	1,0	1,0
1.4	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến giáp Nam chân đèo Gành Đỏ	1,2	1,1	1,1	1,0
1.5	Đoạn từ phía Nam chân đèo Gành Đỏ đến giáp công đường vào khu phố Bình Thạnh (trừ khu dân cư An Bình Thạnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)	1,2	1,2	1,1	1,0
1.6	Đoạn từ Công khu phố Bình Thạnh đến giáp ranh huyện Tuy An	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường tuyến tránh QL 1A:</b>				
-	Đoạn từ đầu tuyến tránh (phía Bắc) đến giáp Chùa Long Quang	1,3	1,2	1,2	1,0
-	Đoạn từ Chùa Long Quang đến giáp ngã ba tuyến tránh Quốc lộ 1A (phía Nam)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Phạm Văn Đồng:</b>				
3.1	Đoạn từ giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ	1,3	1,3	1,3	1,1
3.2	Đoạn từ Nam cầu Tam Giang đến Bắc	1,3	1,1	1,1	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	cầu vượt				
3.3	Đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	1,2	1,1	1,1	1,0
3.4	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Hùng Vương</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>5</b>	<b>Đường 01 tháng 4</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>6</b>	<b>Đường ĐT644</b> (Đường 01 tháng 4-đoạn từ giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A đến giáp ranh xã Xuân Lâm)	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>7</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>8</b>	<b>Đường Lê Lợi:</b> đoạn từ giáp dự án Khu A đến giáp đường Phạm Văn Đồng; và các đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>9</b>	<b>Đường Nguyễn Huệ</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>10</b>	<b>Đường Bùi Thị Xuân</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>11</b>	<b>Đường Phan Đình Phùng</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>12</b>	<b>Đường Phan Bội Châu</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>13</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b> đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp Trụ sở Công an thị xã	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>14</b>	<b>Đường Lương Văn Chánh</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>15</b>	<b>Đường Trần Bình Trọng</b>				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Lương Văn Chánh	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>16</b>	<b>Đường Ngô Quyền</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>17</b>	<b>Đường Lê Thành Phương</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>18</b>	<b>Đường Hoàng Hoa Thám</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>19</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>	1,3	1,3	1,3	1,2
<b>20</b>	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1,3	1,3	1,2	1,1
<b>21</b>	<b>Đường Nguyễn Hồng Sơn:</b>				
-	Đoạn giáp đường Phạm Văn Đồng đến Lăng Bà	1,3	1,1	1,1	1,0
-	Đoạn từ Lăng Bà đến giáp QL 1	1,1	1,1	1,1	1,0
<b>22</b>	<b>Đường Triệu Thị Trinh</b> (đường quy hoạch 6-1)	1,3	1,3	1,2	1,2
<b>23</b>	<b>Đường Phan Chu Trinh</b> (đường quy hoạch 6-2)	1,3	1,3	1,2	1,2
<b>24</b>	<b>Đường Trần Quốc Toàn</b> (đường quy hoạch 6-3)	1,3	1,3	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
25	<b>Đường Kim Đồng</b>	1,2	1,2	1,2	1,0
26	<b>Đường ĐT642:</b> đoạn giáp Quốc lộ 1A đến ngã ba trong	1,1	1,1	1,1	1,0
27	<b>Đường Lê Hồng Phong:</b> đoạn giáp đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường gom tuyến tránh Quốc lộ 1; và đoạn còn lại	1,3	1,3	1,3	1,3
28	<b>Đường Nguyễn Văn Linh:</b> đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến đập Đá Vải	1,3	1,3	1,3	1,3
29	<b>Đường Yết Kiêu</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
30	<b>Đường Lê Duẩn:</b> đoạn từ giáp dự án Khu A và B đến giáp đập Đá Vải	1,3	1,3	1,3	1,3
31	<b>Đường Nguyễn Việt Xuân</b>	1,3			
32	<b>Đường Tô Hiến Thành</b>	1,3			
33	<b>Đường Lê Văn Tám (Khu dân cư Nam Nguyễn Hồng Sơn)</b>	1,2			
34	<b>Khu dân cư Nam Nguyễn Hồng Sơn:</b> Đường rộng 3mét, 6mét	1,2			
35	<b>Khu dân cư Tây Dân Phước</b>	1,2			
36	<b>Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài (giai đoạn 1, đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật)</b>				
36.1	<b>Ô phố B:</b>				
-	Đường rộng: 12mét; 16mét; 25mét; Quốc lộ 1A	1,0			
36.2	<b>Ô phố J:</b>				
-	Đường rộng: 6mét; 12mét; 16mét	1,0			
36.3	<b>Ô phố I:</b>				
-	Đường rộng: 12mét; 16mét; 25mét; Quốc lộ 1A	1,0			
36.4	<b>Ô phố E:</b>				
-	Đường rộng: 12mét; 25mét; Quốc lộ 1A	1,0			
37	<b>Khu dân cư An Bình Thạnh, phường Xuân Đài (giai đoạn 2, sau khi hoàn thành)</b>				
37.1	<b>Ô phố F:</b> Đường rộng 25mét	1,0			
37.2	<b>Ô phố D:</b> Đường rộng 16mét	1,0			
37.3	<b>Ô phố G:</b>				
-	Các đường thuộc ô phố G	1,0			
37.4	<b>Ô phố H:</b>				
-	Đường rộng 20mét (đất dịch vụ)	1,0			
37.5	<b>Ô phố K:</b>				
-	Các đường thuộc ô phố K	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
37.6	<b>Ô phố L:</b>				
-	Đường rộng 20mét (đất dịch vụ)	1,0			
<b>38</b>	<b>Khu dân cư Sân khấu lộ thiên</b>				
38.1	<b>Đường rộng 14mét</b>				
-	Các đường: Hồng Bàng; Âu Cơ; Lạc Long Quân	1,4			
38.2	<b>Đường rộng 14mét còn lại</b>				
-	<b>Đường Mạc Đĩnh Chi (Khu E: từ lô E1 đến lô E14)</b>	1,4			
38.3	<b>Đường rộng 16mét</b>				
-	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Khu B: từ lô B1 đến lô B8; Khu D: từ lô D1 đến lô D5; Khu F: từ lô F15 đến lô F19 và Khu E: từ lô E15 đến lô E17)</b>	1,4			
<b>39</b>	<b>Dự án Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu (Khu A và Khu B sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)</b>				
-	Các lô tiếp giáp đường rộng: 26,5mét; 25mét; 20mét; 16mét; 14mét; 12mét	1,3			
<b>40</b>	<b>Khu dân cư Phước Lý (thị xã Sông Cầu chưa đề xuất giá Khu G)</b>				
40.1	Khu D, C, E, G: Các lô tiếp giáp đường bê tông rộng 5mét	1,3			
40.2	Khu A, B, C, D: Các lô tiếp giáp trục đường rộng 20mét	1,3			
40.3	Các lô tiếp giáp trục đường nội bộ rộng 5mét	1,3			
<b>41</b>	<b>Khu dân cư phía Đông sân thể thao cơ bản thị xã Sông Cầu</b>				
-	Các đường rộng: 12mét; 8mét	1,3			
<b>42</b>	<b>Khu dân cư Phú Vĩnh, phường Xuân Đài</b>	1,1			
<b>43</b>	<b>Khu dân cư Sở canh nông, phường Xuân Đài: Đường rộng 4mét</b>	1,1			
<b>44</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Chánh Nam-Khoan Hậu, phường Xuân Đài: Các đường: Đường phía Tây; đường số: 1, 2, 10 và 11</b>	1,0			
<b>45</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, xóm Mới, khu phố An Thạnh, phường Xuân Đài: Các đường: N1, N2, D1 và D2</b>	1,0			
<b>46</b>	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Xóm Cồn</b>	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(đoạn từ Bắc đường Đài Loan-Việt Nam đến Lãng), phường Xuân Đài: Các đường rộng: 16mét, 12mét				
47	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Lệ Uyên Đông, phường Xuân Yên:</b> Các đường số 1, 2	1,0			
48	<b>Đường Đoàn Thị Điểm:</b>				
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Võ Thị Sáu	1,4	1,3	1,1	1,1
-	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp nhà ông Phạm Văn Cầu	1,3	1,3	1,1	1,1
<b>III</b>	<b>Thị trấn Chí Thạnh-huyện Tuy An</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã An Cư đến giáp cầu Đông Sa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đông Sa đến điểm giao phía Nam cầu vượt	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ điểm giao phía Nam cầu vượt đến chân cầu vượt phía Bắc	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân cầu vượt phía Bắc đến cầu Ngân Sơn	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Lê Thành Phương:</b>				
-	Đoạn từ Ga Chí Thạnh đến QL1A	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1A đến Giếng nông sản	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Giếng nông sản đến giáp ranh xã An Định	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Trần Phú</b>				
-	Đoạn từ QL1A (KP-Trường Xuân) đến đường Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Trần Rịa	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến công hợp (KP-Long Bình)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ công hợp khu phố Long Bình đến QL1A (KP-Chí Đức)	1,5	1,3	1,1	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Hải Dương:</b>				
-	Đoạn từ QL1A đến Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Ngân Sơn-Chí Thạnh đến ngã tư Lê Thành Phương	1,3			
<b>5</b>	<b>Đường Ngân Sơn Chí Thạnh</b>	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Võ Trứ:</b>				
-	Đoạn từ QL1A đến đường Hải Dương	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường Hải Dương đến đường Ngân Sơn-Chí Thạnh	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Lê Thành Phương	1,4			
<b>7</b>	<b>Đường Nguyễn Mỹ</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Ô Loan</b>	1,3			
<b>9</b>	<b>Đường Nguyễn Hoa</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Trần Rịa</b>				
-	Đoạn từ đường Lê Thành Phương đến QL1A	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Loan</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Châu Kim Huệ</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến A20	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường từ QL1A đến cổng nhà máy nước (khu phố Trường Xuân)</b>	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường Long Đức đi An Lĩnh:</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến bên Ngựa (quán Khánh Nguyên)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bên Ngựa (quán Khánh Nguyên) đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường Trần Rịa-Chùa Long Bình đến đường Trần Phú:</b>				
-	Đoạn từ đường Trần Rịa đến dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Mít (nhà bà Lý Thị Mỹ) đến đường Trần Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Khu dân cư đồng Gò Méc</b>				
-	Đường rộng $\geq 6$ mét	1,5	1,2		
-	Đường rộng $< 6$ mét	1,4	1,2		
<b>17</b>	<b>Đường từ QL1A (ngã ba cây Keo) đến cầu Lò Gốm (cũ)</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>18</b>	<b>Đường khu tái định cư đi vào giáp chợ Ngân Sơn</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>19</b>	<b>Đoạn từ QL1A đến cầu Lò Gốm</b>	1,5	1,3	1,0	1,0
<b>20</b>	<b>Khu dân cư đường Trần Phú</b>				
-	Các đường số: 3, 4	1,5			
-	Các đường số: 13, 14	1,6			
-	Các đường số: 10, 11 và 16	1,4			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
21	<b>Đường số 7</b>	1,6			
22	<b>Khu tái định cư khu phố Chí Đức</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5 và 6	1,3			
<b>IV</b>	<b>Thị trấn Phú Hòa-huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Quốc lộ 25:</b> đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến ranh giới xã Hòa Định Tây	1,3	1,0	1,0	1,0
2	<b>Đường liên xã Hòa An, Hòa Thắng, thị trấn Phú Hòa:</b> đoạn từ ranh giới Hòa Thắng đến Quốc lộ 25	1,3	1,0	1,0	1,0
3	<b>Đường Đông Tây, Nam-Bắc thị trấn Phú Hòa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
4	<b>Đường nội bộ trong Khu dân cư N03, N07 và tái định cư N09</b>	1,0			
5	<b>Các đoạn đường còn lại:</b>				
-	Khu vực 1, Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Thị trấn Hòa Vinh-huyện Đông Hòa</b>				
1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Lâm đến công viên hóa Khu phố 4	1,5	1,4	1,1	1,0
-	Đoạn từ công viên hóa Khu phố 4 đến cầu Bàn Thạch cũ	1,4	1,2	1,1	1,0
2	<b>Quốc lộ 29:</b> đoạn từ ngã ba Cây Bàng đến ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,7	1,4	1,1	1,0
3	<b>Khu tái định cư số 1:</b> Các đường rộng: 20,5mét; 15,5mét; 12mét	1,6			
4	<b>Khu dân cư số 5 (đọc Quốc lộ 1):</b> Đường rộng 10mét	1,5			
5	<b>Khu dân cư số 2:</b> Các đường N2, D2 và đường N2.1	1,8			
6	Đường D2.1 rộng 15,5mét (từ đường D2 đến đường N4-A)	1,8			
7	Đường D2 rộng 15,5mét (từ đường N2 đến hết D2)	1,8			
8	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn:</b>				
-	Khu vực 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Thị trấn Hòa Hiệp Trung-huyện Đông Hòa</b>				
1	<b>Đường liên huyện:</b> đoạn từ ranh giới xã	1,7	1,4	1,2	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hòa Hiệp Bắc đến nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu)				
<b>2</b>	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Vinh đến giáp đường liên huyện nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu)	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên huyện nhà ông Lê Đình Chuyên (Cửa hàng xăng dầu) đến công chào khu phố Phú Hòa	1,5	1,4	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chào khu phố Phú Hòa đến ranh giới xã Hòa Hiệp Nam	1,4	1,2	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường liên khu phố:</b> đoạn đường từ Quốc lộ 29 (nhà ông Phan Nghị) đến tuyến đường ven biển đi Vũng Rô	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Khu tái định cư tại khu phố phú Hiệp 3 (giai đoạn 1):</b> Các đường: Đường gom tiếp giáp Tiểu Dự án 3 (rộng 20,5mét); đường rộng: 25mét, 16mét, 12mét	1,5			
<b>5</b>	<b>Khu dân cư Khu công nghiệp Hòa Hiệp (phục vụ tái định cư):</b> Các đường rộng: 25mét, 18mét, 16mét, 12mét	1,5			
<b>6</b>	<b>Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương):</b> đoạn đường từ ranh giới xã Hòa Hiệp Bắc đến ranh giới xã Hòa Hiệp Nam	1,6			
<b>7</b>	<b>Điểm dân cư Phú Hiệp 3:</b>				
-	Các đường rộng: 25mét, 16mét	1,4			
-	Đường rộng 12mét	1,3			
-	Đường rộng 6mét	1,2			
<b>8</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn:</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,2	1,1	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,1	1,1	1,0
<b>VII</b>	<b>Thị trấn Phú Thứ-huyện Tây Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 29:</b> Từ Ga Gò Mằm đến giáp ranh xã Hòa Phong	1,5	1,5	1,5	1,5
<b>2</b>	<b>Đường ĐT 645:</b> đoạn từ Ga Gò Mằm đến giáp ranh xã Hòa Bình 1	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cầu Phú Thứ đến Vũng Trăng	1,7	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Vũng Trăng đến giáp ranh xã Hòa Đông	3,0	2,5	1,3	1,1
<b>4</b>	<b>Khu tái định cư thị trấn Phú Thứ:</b>				
-	Các đường số: 16 (NB2-1), 6 (NB 2-2), 10, 5 (ĐT 1-1), ĐT 1-2, 4, 9 (N6), 7, 1, 3, 8, 12, 14	1,2			
<b>5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong thị trấn:</b>				
-	Khu vực 1	2,0	2,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Thị trấn Hai Riêng-Sông Hình</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Quốc lộ 29 (ĐT645 cũ)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã EaBia đến cầu Buôn Thô (Trần Hưng Đạo)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở Quản lý đường bộ đến giáp Trạm y tế thị trấn	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm y tế thị trấn đến giáp ranh giới xã Ea Bar	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo:</b>				
-	Đoạn từ cầu Buôn Thô đến Chi nhánh Điện Sông Hình	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chi nhánh Điện Sông Hình đến ngã ba Hoàng Hoa Thám	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Hoàng Hoa Thám đến đường hẻm (đường cứu hỏa giáp ranh Quán cà phê Thảo Nguyên)	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường hẻm (đường cứu hỏa) đến đường Hồ Xuân Hương (gộp đoạn từ ranh nhà số 44 Trần Hưng Đạo (nhà ông Vượng) đến ngã ba đường Trần Phú và đoạn từ ngã ba đường Trần Phú đến đường Hồ Xuân Hương)	1,4	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Lê Lợi:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba đường Hai Bà Trưng	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hai Bà Trưng đến giáp ngã ba đường Hoàng Văn Thụ	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Hoàng Văn Thụ đến giáp Trụ sở Quản lý đường bộ	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến giáp ngã ba Nguyễn Công Trứ	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nguyễn Công Trứ đến đường Nguyễn Đình Chiểu	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp ngã ba đường Nơ Trang Long	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Nơ Trang Long đến giáp đường Nguyễn Huệ	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Đường Trần Phú:</b>				
-	Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Văn Trỗi	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi cầu tràn suối Bệnh viện	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Nguyễn Huệ</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Hồ Xuân Hương</b>	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Trỗi</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường Nguyễn Công Trứ:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Nguyễn Trãi đến giáp ngã ba Lương Văn Chánh	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ Lương Văn Chánh đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Lương Văn Chánh:</b>				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến giáp đường Trần Hưng Đạo	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo-giáp ngã tư đường Ngô Quyền	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Ngô Quyền đến giáp ngã tư đường Hai Bà Trưng	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Hai Bà Trưng đến công số 2	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đến giáp ngã tư Lương Văn Chánh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư Lương Văn Chánh đến giáp đường Hồ Xuân Hương	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Ngô Quyền</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường Bà Triệu</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường Hoàng Văn Thụ</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Đường Lê Thành Phương</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>17</b>	<b>Đường Hoàng Hoa Thám:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường vào nhà Rông buôn Hai Riêng	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào nhà Rông buôn Hai Riêng đến cầu Ea Bia	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>18</b>	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>19</b>	<b>Đường Chu Văn An</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>20</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>21</b>	<b>Đường Tuệ Tĩnh</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>22</b>	<b>Đường từ ngã ba Tuệ Tĩnh đi đến giáp đường Nơ Trang Long (khu mới quy hoạch)</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>23</b>	<b>Đường Nơ Trang Long</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>24</b>	<b>Đường ĐT649</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Đức Bình Tây đến giáp khu dân cư Khu phố 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hu dân cư Khu phố 1 đến giáp đường Quốc lộ 29 (ĐT645)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>25</b>	<b>Đường đi buôn H'KLóc, xã Ea Bia</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến giáp ranh xã Ea Bia	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>26</b>	<b>Đường Võ Trứ: đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba đường Lê Lợi (đường Hoàng Hòa Thám đoạn từ Trần Hưng Đạo đến nhà ông Chu Văn Năng)</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>27</b>	<b>Đường từ ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Hồ Xuân Hương</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>28</b>	<b>Các đoạn đường trong Khu dân cư Khu phố 3 mới QH</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>29</b>	<b>Đường khu dân cư Khu phố 7: đoạn từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba Võ Trứ</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>30</b>	<b>Đường khu dân cư Khu phố 8:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đi khu vực Lam Sơn đến nhà ông Báu (tính hết đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Lê Lợi đi hướng đường Lương Văn Chánh nối dài đến nhà bà Ngân (tính hết đường bê tông)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 29 đến hết đất	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	phân Trường Tiểu học khu phố 8				
<b>31</b>	<b>Các đoạn đường còn lại trong thị trấn</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>32</b>	<b>Đất ở các buôn thuộc thị trấn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Thị trấn Củng Sơn-huyện Sơn Hòa</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Trần Phú:</b>				
-	Đoạn từ bờ Sông Ba đến giao đường 24/3	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã giao đường 24/3 đến nương thủy lợi nhà ông Bính	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nương thủy lợi (nhà ông Hạnh) đến đường Trần Hưng Đạo	1,5	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới xã Suối Bạc	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Đường Nguyễn Chí Thanh:</b>				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giao đường số 11	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Lê Lợi:</b>				
-	Đoạn từ đường lên Hòn Ngang đến đường Trần Phú	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường số 11	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến đường 24/3	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo:</b>				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn ngang đến giao đường số 11	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thỏ Đá	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai:</b>				
-	Đoạn từ chân đồi Hòn Ngang đến đường số 11	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường số 11 đến hết khu Thỏ Đá	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng:</b> đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Lợi	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Hùng Vương:</b>				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giao đường Hồ Suối Bùn 1	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>8</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu:</b>				
-	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hồ Suối Bùn 1	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường số 11:</b> Đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Trần Hưng Đạo	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường 24/3:</b>				
-	Đoạn từ Suối Thá đến đường vào bên nước Ông Đa	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào bên nước Ông Đa đến ranh (phía trên) Nhà thờ Tây Hòa	1,4	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh (phía trên) Nhà thờ Tây Hòa đến ngã ba (giao với đường vào Chùa Phước Sơn)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao với đường vào Chùa Phước Sơn) đến ranh giới xã Suối Bạc	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường ĐT646:</b> đoạn từ cầu Sông Ba đến giáp ranh xã Suối Bạc	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường nội bộ chợ Sơn Hòa:</b> đoạn từ đường Lê Lợi đến giao đường Nguyễn Chí Thanh	1,4	1,3	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường từ ngã tư công viên (đường Trần Phú) đến Hồ Suối Bùn 2</b>	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>X</b>	<b>Tthị trấn La Hai-huyện Đồng Xuân</b>				
<b>1</b>	<b>Đường Lê Lợi</b> (toàn tuyến)	1,3	1,2	1,1	1,1
<b>2</b>	<b>Đường Trần Phú:</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến tụ Km0	1,3	1,2	1,1	1,1
-	Đoạn từ Km0 (đường vào bãi rác) đến nút giao Trần Phú-Nguyễn Huệ	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nút giao Trần Phú-Nguyễn Huệ đến đường Võ Trứ (Trạm bảo vệ thực vật)	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Võ Trứ (Trạm BVTV) đến hết đường Trần Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi:</b>				
-	Đoạn từ Nhà máy nước La Hai đến giáp đường Trần Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Thành Phương	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Đường Lương Tấn Thịnh:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Trường Chinh	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo:</b>				
-	Từ Km12+020 (cầu Lô Sáu-giáp xã Xuân Sơn Nam) đến Km13+000 (cống thoát nước)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ Km13+000 (cống thoát nước) đến Km14+300 (cầu sắt La Hai)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ (Km14+300) Cầu sắt La Hai đến Km16+070 dốc Quận (phòng Y Tế)	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Từ Km16+070 dốc Quận (phòng Y Tế) đến công viên hóa KP Long Bình	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ công viên hóa KP Long Bình đến dốc Hồ Ó (giáp xã Xuân Long)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Đường Phan Trọng Đường:</b>				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Ty) đến đường Trần Cao Vân (nhà ông Tòng)	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Cao Vân (nhà ông May) đến đường Trần Hưng Đạo (công Trung tâm văn hóa)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Đường Võ Trứ:</b> (toàn tuyến)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Đường Trần Cao Vân:</b> đoạn từ đường Phan Trọng Đường đến nhà ông Dương	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Đường số 15:</b> đoạn từ đường Trần Cao Vân đến đường Trần Hưng đạo (nhà ông Lê Ngọc Liễn)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Đường Nguyễn Huệ:</b> Từ đường Trần Phú đến đường Lương Văn Chánh (cây đông Long Hà)	1,3	1,2	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu:</b>				
-	Từ nhà ông Long đến khu tập thể Trường PTTT Lê Lợi	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Bình đến nhà ông Nguyễn Duy Thanh	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Đường Nguyễn Du</b> (toàn tuyến)	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>13</b>	<b>Đường Võ Văn Dũng:</b> Từ đường Lương Văn Chánh đến giáp xã Xuân Quang 3	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>14</b>	<b>Đường Lương Văn Chánh:</b>				
-	Từ Km12+500 (giáp ranh Xuân Sơn Bắc) đến đường Trần Hưng Đạo	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Từ cầu sắt La Hai đến khu dân cư Xóm Ké (nhà bà Tư)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Từ khu dân cư Xóm Ké (nhà bà Tư) đến giáp xã Xuân Quang 3 (đèo Ngang)	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>15</b>	<b>Đường Trường Chinh</b> (toàn tuyến)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>16</b>	<b>Đường Phan Lưu Thanh:</b> Từ đường Trần Hưng Đạo đến khu di tích Phan Lưu Thanh	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>17</b>	<b>Đường Lê Thành Phương dọc Bàu Long Thăng</b> (đoạn từ đường sắt Bắc-Nam đến nhà ông Đỗ Tư)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>18</b>	<b>Đường Khóm 5-Soi Họ</b> (từ đường Lương Văn Chánh-giáp xã Xuân Long)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>19</b>	<b>Đường Nguyễn Hào Sự</b> (từ Nguyễn Huệ đến đường Võ Văn Dũng)	2,0	1,2	1,0	1,0
<b>20</b>	<b>Khu dân cư nam cầu mới La Hai</b>				
-	<b>Khu A</b>	1,8			
-	<b>Các Khu: B, C, D, E</b>	1,1			

## UBND TỈNH PHÚ YÊN

## PHỤ LỤC 2

## HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND

ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa (4 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (4 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Bình Ngọc</b>				
1.1	<b>Đường Hải Dương:</b> đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến giáp huyện Phú Hòa	1,3	1,3	1,3	1,3
1.2	<b>Đường Trần Quang Khải:</b> đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến ranh giới xã Bình Ngọc, Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
1.3	<b>Đường Mạc Thị Bưởi:</b> đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
1.4	<b>Đường Côn Sơn:</b> đoạn từ đường Trần Quang Khải đến ranh giới xã Bình Ngọc và xã Hòa An	1,3	1,3	1,3	1,3
1.5	<b>Đường giao thông nông thôn Ngọc Phước 2</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
1.6	<b>Đường giao thông nông thôn Ngọc Lãng:</b> đoạn từ đường phía đông giáp đường sắt đến đường bê tông	1,2	1,2	1,2	1,2
1.7	<b>Đường quy hoạch 20mét:</b> đoạn từ đường Mạc Thị Bưởi đến đường Hải Dương	1,2			
1.8	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành</b> (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
<b>2</b>	<b>Xã Hòa Kiến</b>				
2.1	<b>Xã lộ 20:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh Phường 9 đến cầu Minh Đức	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ cầu Minh Đức đến Đá Bàn	1,2	1,2	1,2	1,2
2.2	<b>Các tuyến đường liên thôn tiếp giáp xã lộ 20:</b>				
-	Đường từ cầu Minh Đức đến Chùa Minh Sơn	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Chùa Minh Sơn đến cầu Cai Tiên	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Quốc lộ 1A đến chợ Xuân Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Trường Trung học cũ đến	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	cuối thôn Tường Quang				
-	Đường từ cầu làng Quan Quang đến Kênh N1	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đường từ Bru điện xã đến sân kho thôn Xuân Hòa	1,2	1,2	1,2	1,2
2.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
2.4	<b>Quốc lộ 1 A</b> (đoạn qua địa bàn xã)	1,2			
2.5	<b>Khu tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bãi rác Thọ Vực tại xã Hòa Kiến</b> (sau khi đầu tư hạ tầng)				
-	Trục đường N1 quy hoạch rộng 9,5mét (đoạn dọc Kênh N1)	1,2			
-	Trục đường quy hoạch rộng 9,5mét còn lại	1,2			
-	Trục đường quy hoạch rộng 7,5mét	1,2			
<b>3</b>	<b>Xã Bình Kiến</b>				
3.1	<b>Đường Độc Lập:</b> đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.2	<b>Đường Lê Duẩn:</b> đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.3	<b>Đại lộ Hùng Vương:</b> đoạn từ Lê Đài đến ranh giới xã Bình Kiến và xã An Phú	1,3	1,3	1,3	1,3
3.4	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành:</b> đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	1,3	1,3	1,3	1,3
3.5	<b>Đường Lý Nam Đế:</b> đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
3.6	<b>Đường Nơ Trang Long:</b> đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Hà Huy Tập	1,3			
3.7	<b>Đường Lương Định Của:</b> đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.8	<b>Đường Trần Nhân Tông:</b> đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.9	<b>Đường Võ Trú:</b> đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Hà Huy Tập	1,3			
3.10	<b>Các trục đường thuộc khu dân cư phía Tây đại lộ Hùng Vương</b> (đoạn từ đường An Dương Vương-N14):				
-	Trục đường rộng: 10mét; 6mét	1,2			
3.11	<b>Các trục đường thuộc Khu dân cư</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	<b>phía Đông đại lộ Hùng Vương</b> (đoạn từ đường số 14-Quốc lộ 1A)				
-	Trục đường rộng: 20mét; 16mét; 10mét; 6mét-dưới 10mét	1,3			
3.12	<b>Đường đi Thượng Phú</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến Trạm bơm Phú Vang	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ Trạm bơm Phú Vang đến Thượng Phú	1,2	1,2	1,2	1,2
3.13	<b>Đường đi Bầu Cả:</b>				
-	Đoạn từ đại lộ Nguyễn Tất Thành đến hết Khu tái định cư Bầu Cả	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ hết Khu tái định cư Bầu Cả đến giáp xã Hòa Kiến	1,2	1,2	1,2	1,2
3.14	<b>Các trục đường dưới 12mét thuộc Khu tái định cư Bầu Cả</b>	1,2			
3.15	<b>Đường Mậu Thân</b> (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
3.16	<b>Quốc lộ 1A</b> (đoạn qua địa bàn xã)	1,3	1,3	1,3	1,3
3.17	<b>Đường Tân Trào</b>	1,3			
3.18	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	1,3			
4	<b>Xã An Phú</b>				
4.1	<b>Đường Độc Lập:</b> đoạn thuộc địa bàn xã An Phú	1,3	1,3	1,3	1,3
4.2	<b>Đường Lê Duẩn:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiên và An Phú đến ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ ngã ba khu tái định cư thôn Chính Nghĩa đến ngã tư đường cơ động	1,3	1,3	1,3	1,3
4.3	<b>Đại lộ Hùng Vương:</b> đoạn từ ranh giới xã Bình Kiên và xã An Phú đến QL1A (các vị trí 2,3,4 tính theo giá đất các đường thuộc Khu dân cư phía Đông đại lộ Hùng Vương (đoạn từ đường số 14-Quốc lộ 1A)	1,3	1,3	1,3	1,3
4.4	<b>Quốc lộ 1A (đoạn qua địa bàn xã):</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Bình Kiên, An Phú đến Km1323+200	1,3	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ Km1323+200 đến giáp xã An Chấn	1,3	1,3	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
4.5	<b>Đường cơ động ven biển</b>	1,3	1,3	1,3	1,3
4.6	<b>Đường liên xã:</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng đến cầu Đồng Nai	1,2	1,2	1,2	1,2
4.7	<b>Đường liên thôn Xuân Dục, Chính Nghĩa</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
4.8	<b>Đường Khu tái định cư Gò Giữa:</b>				
-	Trục đường rộng: 13mét; 12mét; 10mét	1,2			
4.9	<b>Đường liên thôn Phú Liên:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Thượng Phú đến cầu sắt Phú Liên (cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ cầu sắt Phú Liên đến Gò Sầm (cũ)	1,2	1,2	1,2	1,2
4.10	<b>Đường liên thôn Phú Lương:</b> đoạn từ ngã ba Nghĩa trang Thọ Vực-Suối Gò Dầu	1,2	1,2	1,2	1,2
4.11	<b>Đường khu TĐC xứ Đồng Phú thôn Chính Nghĩa:</b> Trục đường rộng 6mét	1,2			
4.12	<b>Đường từ QL1A đến ngã ba Thượng Phú, Phú Liên</b>	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu (10 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (9 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Xuân Lộc</b>				
1.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến Trụ sở UBND xã Xuân Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Xuân Lộc đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
1.2	<b>Đường Chánh Lộc-Diêm Trường:</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đi qua chợ cũ đến ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A (ngã ba Hà Dom) đến ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường Chánh Lộc-Diêm Trường đến Trường Bùi Thị Xuân	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình-Xuân	1,2	1,2	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hải đến giáp đằm Cù Mông				
1.3	<b>Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình:</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đến lô số 1 QHPL khu dân cư	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp lô số 1 QHPL khu dân cư đến giáp ranh xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
1.4	<b>Khu dân cư chợ Xuân Lộc:</b>				
-	Khu D; Khu E; Khu F; Mặt tiền đường số 8, số 9 và số 10	1,2			
1.4a	<b>Đường kè đằm Cù Mông:</b>				
-	Đoạn từ giáp Quốc lộ 1 đến giáp thửa đất nhà ở của ông Trần Đình Phổ	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc của nhà ông Trần Đình Phổ đến giáp xã Xuân Bình	1,2	1,2	1,0	1,0
1.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa (hoặc láng nhựa) trong xã</b>				
-	<b>Khu vực 1</b>				
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã ba ông Dàn)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ ngã ba ông Dàn đến Bàu Neo)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Niệm Phật Đường đến Trụ sở thôn Chánh Lộc)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường xóm Cát-Chánh Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
-	<b>Khu vực 2</b>				
+	Đường Chánh Lộc-Thọ Lộc (đoạn từ ngã ba ông Dàn đến trường Thọ Lộc)	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Lộc-Mỹ Phụng	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Phụng-Thọ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Thạch Khê	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường QL1-Lâm Thạch Khê	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Mỹ Phụng-Diêm Trường	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Dốc ông Dinh-Mỹ Phụng	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Quốc lộ 1-thôn Mỹ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
+	Đường Chánh Lộc-Mỹ Lộc	1,2	1,2	1,0	1,0
1.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,2	1,2	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Xuân Bình</b>				
2.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Lộc đến giáp Trường Tiểu học xã Xuân Bình; và các đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
2.2	<b>Đường GTNT Xuân Bình-Xuân Hải:</b> Đoạn từ giáp đường GTNT Chánh Lộc-Diêm Trường đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
2.3	<b>Đường Chánh Lộc-Diêm Trường</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A-giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Anh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Anh đến Trường Bùi Thị Xuân	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp Trường Bùi Thị Xuân đến ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư đường Xuân Bình-Xuân Hải đến giáp đầm Cù Mông	1,2	1,1	1,0	1,0
2.4	<b>Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình:</b>				
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đến hết khu quy hoạch phân lô khu dân cư	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn giáp khu quy hoạch đến hồ Xuân Bình	1,2	1,1	1,0	1,0
2.5	<b>Đường GTNT Bình Thạnh-Đá Giăng:</b>				
-	Đoạn bê tông hóa; và đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
2.5a	<b>Đường kè đầm Cù Mông:</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Lộc đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải đến giáp Quốc Lộ 1	1,1	1,1	1,0	1,0
2.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
2.7	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>3</b>	<b>Xã Xuân Hải</b>				
3.1	<b>Quốc lộ 1D:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh tỉnh Bình Định đến giáp Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Xuân Hải; và đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
3.2	<b>Đường bê tông GTNT xã Xuân Hải:</b> Đoạn từ thôn 1 đến giáp Thôn 5 (từ nhà ông Trần Quý Dạn đến nhà ông Nguyễn Văn Đê)	1,1	1,1	1,0	1,0
3.3	<b>Đường GTNT Xuân Hải-Xuân Bình:</b> đoạn từ giáp QL1D đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải	1,1	1,1	1,0	1,0
3.4	<b>Khu dân cư Xuân Hải (giai đoạn 1):</b>				
-	Mặt tiếp giáp Quốc lộ 1D; đường rộng 20mét; đường rộng 10mét (94 lô tiếp giáp đường NH 8, không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường và bị giải toả khi thực hiện dự án trên địa bàn xã	1,0			
3.4a	<b>Đường kè đê Cù Mông (đoạn từ giáp xã Xuân Hòa đến giáp cầu Xuân Bình-Xuân Hải)</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
3.4b	<b>Khu dân cư Chợ Xuân Hải:</b>				
-	Mặt đường Quốc Lộ 1D; đường rộng: 20mét; 10mét	1,0			
3.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1				
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT Thôn 3 (đất ông Bùi Thương)	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT Thôn 4 (nhà ông Nguyễn Văn Lộc)	1,1	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ Quốc lộ 1D đến giáp đường bê tông GTNT Thôn 5 (nhà bà Trương Thị Màu)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
3.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>4</b>	<b>Xã Xuân Hòa</b>				
4.1	<b>Quốc lộ 1D:</b>				
-	Đoạn từ UBND xã Xuân Hòa đến giáp đầu cầu Bình Phú; và đoạn còn lại	1,1	1,1	1,0	1,0
4.2	<b>Đường GTNT Hòa Phú-Hòa An</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
4.3	<b>Khu dân cư Nam Hòa Phú-Hòa An</b>				
-	Khu A				
+	Các lô tiếp giáp đường Hoà Phú-Hòa An	1,1			
+	Các lô tiếp giáp trục đường rộng 10mét (Khu A)	1,1			
+	Khu C (không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã)	1,1			
-	Đường rộng 10mét thuộc Khu B từ lô số 31 đến lô số 47, không tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường trên địa bàn xã	1,1			
-	Đường rộng 10mét còn lại (Khu B)	1,1			
4.3a	<b>Đường kè đầm Cù Mông</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
4.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
4.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Xuân Cảnh</b>				
5.1	<b>Quốc lộ 1A:</b> Từ giáp ranh xã Xuân Bình đến giáp ranh xã Xuân Thịnh	1,1	1,1	1,0	1,0
5.2	<b>Đường GTNT Hòa Mỹ-Hòa Hội-Hòa Lợi</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
5.3	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, đồng ông Nhó, xã Xuân Cảnh:</b> Đường rộng 10mét	1,0			
5.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
5.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>6</b>	<b>Xã Xuân Thịnh</b>				
6.1	<b>Đường Quốc lộ 1A:</b> đoạn từ đầu xã Xuân Thịnh đến giáp ranh xã Xuân Phương	1,1	1,1	1,0	1,0
6.2	<b>Đường GTNT Hòa Hiệp-Từ Nham</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Thơ	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Thơ đến cuối thôn Từ Nham	1,1	1,1	1,0	1,0
6.3	<b>Đường GTNT Phú Dương-Vịnh Hòa:</b> đoạn từ ngã ba Phú Dương đến cuối thôn Vịnh Hòa	1,1	1,1	1,0	1,0
6.4	<b>Đường từ đèo ông Két đến chợ trung tâm xã Xuân Thịnh</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
6.5	<b>Khu dân cư Từ Nham (giai đoạn 1)</b>				
-	Khu L1 và L3: Trục đường Liên thôn Vũng Chèo-Từ Nham	1,0			
-	Khu L2 và L4: Trục đường rộng 10mét (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,0			
6.6	<b>Khu dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa</b>				
-	<b>Điểm dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa:</b> Khu A2-1 và Khu A2-4	1,1			
-	<b>Khu dân cư Phú Dương-Vịnh Hòa (giai đoạn 1, sau khi đầu tư hoàn thành)</b>				
+	<b>Khu B7-1</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô: 3, 5, 7, 9, 12, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị giải toả khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,1			
	Đường rộng 16mét (các lô: 1, 15, 16, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị giải toả khi thực hiện dự án trên địa bàn xã)	1,1			
+	<b>Khu B1-2:</b> Đường rộng 12mét (không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B7-2</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô: 2, 4, 6 và 8, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	hộ dân bị triều cường)				
	Đường rộng 16mét (các lô: 1, 3, 5 và 7, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B 8-1</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô: 3, 5, 7, 9, 11, 14, 15, 16, 17 và 21, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16mét (lô số 1, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B 8-2</b>				
	Đường rộng 12mét (từ lô số 5 đến lô số 17, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Đường rộng 16mét (lô số 1 đến lô số 4, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B 8-4</b>				
	Đường rộng 12mét (từ lô số 01 đến lô số 04, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
	Trục đường rộng 16 mét (lô số 5 đến lô số 8, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân bị triều cường)	1,1			
+	<b>Khu B3-2</b>				
	Đường rộng 12mét (các lô: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24 và 26, không tổ chức đấu giá, giao đất, thu tiền sử dụng đất theo giá sàn cho các hộ dân nghèo chưa có đất ở tại địa phương)	1,1			
	Các đường rộng: 20mét; 16mét; 12mét, các lô còn lại	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6.7	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, thôn Hòa Hiệp, xã Xuân Thịnh (bổ sung mới):</b> Đường rộng 10mét	1,1			
6.8	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
6.9	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Xuân Phương</b>				
7.1	<b>Quốc lộ 1A:</b> đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thịnh đến giáp ranh Phường Xuân Yên	1,1	1,1	1,0	1,0
7.2	<b>Đường GTNT Trung Trinh-Vũng La</b>	1,1	1,1	1,0	1,0
7.3	<b>Khu dân cư Phú Mỹ:</b> Đường Trung Trinh-Vũng La; Đường rộng: 6mét; 4,5mét	1,1			
7.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
7.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Xuân Thọ I</b>				
8.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong) đến giáp Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam tuyến tránh Quốc lộ 1A đến giáp Bắc cầu Huyện	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nam cầu Huyện đến cột mốc ranh giới Xuân Thọ 2	1,2	1,1	1,0	1,0
8.2	<b>Khu tái định cư Quốc lộ 1, Chánh Nam-Nhiều Hậu, xã Xuân Thọ 1:</b>				
-	Các đường: N1, N2, N3, N4, N5, N6	1,0			
8.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
8.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã Xuân Thọ II</b>				
9.1	<b>Quốc lộ 1 A:</b> đoạn từ cột mốc ranh giới Xuân Thọ 1 đến giáp ngã ba Triều Sơn	1,2	1,1	1,0	1,0
9.2	<b>Đường ĐT642:</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp cầu suối Đá (đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp ngã ba trong)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Đá đến giáp cầu Suối Tre (đoạn từ ngã ba trong đến giáp chùa Triều Tôn)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Tre đến giáp huyện Đồng Xuân (đoạn từ chùa Triều Tôn đến giáp huyện Đồng Xuân)	1,1	1,1	1,0	1,0
9.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
9.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,1	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>Vùng miền núi (01 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Xuân Lâm</b>				
1.1	<b>Đường Phạm Văn Đồng:</b> đoạn từ Nam cầu vượt đến đỉnh dốc Găng (giáp đường bê tông lên Cao Phong)	1,2	1,1	1,0	1,0
1.2	<b>Đường GTNT Cao Phong</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
1.3	<b>Đường GTNT Long Phước</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
1.4	<b>Đường giao thông đến Trung tâm xã:</b> đoạn từ giáp Nam cầu Tam Giang mới đến giáp suối Hàn	1,1	1,0	1,0	1,0
1.5	<b>Đường ĐT644:</b>				
-	Đoạn từ giáp phường Xuân Phú đến Bãi tràn thôn Bình Nông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bãi tràn thôn Bình Nông đến giáp ranh huyện Đồng Xuân	1,1	1,0	1,0	1,0
1.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại đã được bê tông hóa hoặc láng nhựa</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	<b>trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
1.7	<b>Các đường, đoạn đường còn lại là đường đất trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An (15 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (12 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã An Chấn</b>				
1.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn giáp ranh xã An Phú đến đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đất đi nhà ông Lê Xuân Thế đến giáp ranh xã An Mỹ	1,4	1,0	1,0	1,0
1.2	<b>Đường cơ động ven biển:</b>				
-	Đoạn từ cầu Đồng Nai đến đường bê tông thôn Phú Quý	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông thôn Phú Quý đến giáp ranh xã An Mỹ	1,3	1,1	1,0	1,0
1.3	<b>Đường xã lộ:</b>				
-	Đoạn từ đường sắt đến ngã ba (nhà Bà Hợp)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (nhà Bà Hợp) đến Biên	1,3	1,1	1,0	1,0
1.4	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	Đường bê tông xi măng (từ HTX NN) đến giáp đường cơ động	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ khe nước bầu Đồng Nai đến công khu du lịch Bãi Xếp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông hợp tác xã (nhà ông Cảnh) đến đường đi Núi Hùng	1,1	1,0	1,0	1,0
1.5	<b>Các đường thôn:</b>				
-	Đường từ QL1A đi mỏ đá Phú Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đi Mỏ đá Phú Thạnh đến hết đường bê tông (Áp Lý)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba đường cơ động đến hết đường bê tông thôn Phú Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
1.6	<b>Đất khu trưng bày sản phẩm làng nghề An Chấn:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Tiếp giáp Quốc lộ 1A	1,5			
-	Tiếp giáp đường nội bộ	1,3			
1.7	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã An Mỹ</b>				
2.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp đường vào trường Lê Thành Phương	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào trường Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
2.2	<b>Đường ĐT 643 (điều chỉnh tuyến)</b>				
-	Đoạn từ QL1A đến hết nhà máy ô tô JRD	3,0	1,8	1,5	1,2
-	Từ nhà máy ô tô JRD đến ngã tư chỉnh tuyến	1,6	1,4	1,2	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chỉnh tuyến-cầu sắt đến giáp ranh xã An Thọ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chỉnh tuyến đến giáp ranh xã An Thọ (đường cứu hộ-cứu nạn)	1,1	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Đường cơ động ven biển:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Chấn đến giáp ranh xã An Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
2.4	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ QL1A đến đường cơ động:</b>				
+	Đoạn từ QL1A đến Trạm y tế xã	1,5	1,3	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến đường cơ động	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Chợ Cũ đến Cầu Hầm và từ Chợ Cũ đến Núi Một	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Chợ Mới đi qua Trường Nguyễn Thái Bình đến cuối đường bê tông Xóm 5 thôn Hòa Đa	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ Nhà hát nhân dân cũ đến ngã ba cuối Xóm 4 thôn Phú Long	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba xóm 4 Phú Long đến ngã ba nhà ông Lê Thăng giáp sân vận động	1,1	1,0	1,0	1,0
2.5	<b>Đoạn đường xung quanh chợ An Mỹ</b>	2,5			
2.6	<b>Đường từ ngã ba Giai Sơn đến giáp thôn Hội Sơn-An Hòa</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
2.7	<b>Đường từ ngã ba Giai Sơn đến Trường Tiểu học Số 2</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
2.8	<b>Khu vực xung quanh Sân vận động</b>	1,1			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.9	<b>Đường từ Quốc lộ 1 đến cuối xóm mới thôn Hòa Đa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
2.10	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã An Hòa</b>				
3.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc cầu Chùa Hang	1,5	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Chùa Hang đến giáp ranh xã An Hiệp	1,4	1,2	1,1	1,0
3.2	<b>Đường cơ động ven biển:</b>				
-	Đoạn từ giáp An Mỹ đến phía Bắc chợ Diêm Hội	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường phía Bắc chợ Diêm Hội đến giáp An Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
3.3	<b>Đường từ ngã ba Phú Diêm đi Hội Sơn:</b>				
-	Đoạn từ QL 1A đến cầu Suối Ré	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Ré đến giáp đường cơ động	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường cơ động đến bến xe Nhơn Hội	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bến xe Nhơn Hội đến công chào thôn Hội Sơn (giáp An Mỹ)	1,4	1,2	1,0	1,0
3.4	<b>Các đường liên thôn</b>				
-	<b>Đường từ ngã ba Chợ Yển đến hội trường thôn Phú Thường</b>				
+	Đoạn từ ngã ba Chợ Yển đến công chào thôn Phú Thường	1,5	1,3	1,1	1,0
+	Đoạn từ công chào thôn Phú Thường đến Hội trường thôn Phú Thường	1,2	1,1	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba đường bê tông thôn Diêm Hội đến cuối đường thôn Diêm Hội</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba công Chùa Linh Sơn đến hết thôn Tân Hòa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba thôn Nhơn Hội đến Lăng Ông thôn Nhơn Hội</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
3.5	<b>Khu dân cư Tân An:</b>				
-	Đường rộng > 16mét	1,3			
-	Các đường rộng: 10mét; 9mét; 7,5mét; 6mét	1,2			
3.5a	<b>Khu dân cư Tân An (giai đoạn 2)</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 7, 8 và D3	1,1			
<b>3.6</b>	<b>Khu tái định cư đồng Gia Điền</b>				
-	Các đường số: 1, 3	1,4			
-	Đường số 2	1,3			
<b>3.7</b>	<b>Các đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã An Hải:</b>				
<b>4.1</b>	<b>Đường cơ động ven biển:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hòa đến Trụ sở UBND xã (cũ)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã (cũ) đến Nam cầu An Hải	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4.2</b>	<b>Từ Đường cơ động ven biển đến chợ thôn Xuân Hòa</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4.3</b>	<b>Đường liên thôn:</b>				
-	Ngã ba Tân Qui đi Phước Đồng (đường nhựa)	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>4.4</b>	<b>Các đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã An Hiệp</b>				
<b>5.1</b>	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hòa đến giáp phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương	1,5	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường lên Mộ Lê Thành Phương đến giáp ranh xã An Cư	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>Quốc lộ 1A đi Phước Hậu:</b>				
-	Đoạn giáp QL1A đến cầu Cây Gạo thôn Phong Phú	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Cây Gạo đến ngã ba Đá Bàn thôn Phước Hậu	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.3</b>	<b>Đường từ An Hiệp đi An Lĩnh:</b>				
-	Đoạn từ QL1A đến hết phân Trường TH Tuy Dương	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phân Trường TH Tuy Dương đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5.4</b>	<b>Đường xung quanh chợ Phiên Thứ mới</b>	1,2			
<b>5.5</b>	<b>Đường từ QL1A đi Đàm Ô Loan:</b>				
-	Đoạn từ QL1A đến cầu đường sắt	1,3	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cầu đường sắt đến giáp ranh xã An Cư	1,1	1,0	1,0	1,0
5.6	<b>Tái định cư đồng Cây Gạo:</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5, 6	1,1			
5.7	<b>Tái định cư đồng Cây Đông</b>	1,1			
5.8	<b>Các đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
6	<b>Xã An Cư:</b>				
6.1	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Hiệp đến công qua đường QL1A (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ công qua đường QL1A (đường vào nhà ông Phạm Tấn Đức) đến đỉnh dốc Chùa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đỉnh Dốc Chùa đến giáp thôn Phước Lương	1,5	1,3	1,2	1,1
-	Đoạn từ giáp Phước Lương đến đường đi Đồng Cháy	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường đi Đồng Cháy đến giáp ranh thị trấn Chí Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
6.2	<b>Đường từ QL1A đến công cụm Công nghiệp Tam Giang</b>	1,3	1,1	1,0	1,0
6.3	<b>Cụm công nghiệp Tam Giang:</b>				
-	Các đường rộng: 15mét; 14mét	1,2			
-	Khu dịch vụ tiếp giáp QL1 (mới)	1,3			
6.4	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	<b>Đường từ QL1A đến ngã ba Xóm Chuối</b>				
+	Đoạn từ QL1A đến ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt)	1,4	1,1	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi liên xã (nhà bà Ngọt) đến Trường Môm cũ (nhà ông Lực)	1,2	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trường Môm cũ (nhà ông Lực) đến ngã ba Xóm Chuối	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ QL1A đến nhà thờ Đồng Cháy</b>				
+	Đoạn từ QL1A (Phước Lương) đến đường sắt	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ đường sắt đến nhà thờ Đồng Cháy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ công thôn Tân Long đến</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	<b>giáp đường ven đầm:</b>				
+	Đoạn từ công thôn Tân Long đến công ông Thượng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công ông Thượng đến công (nhà ông Nghi)	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công (nhà ông Nghi) đến giáp đường ven đầm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ công thôn Tân Long đến giáp ranh xã An Ninh Đông</b>				
+	Đoạn từ công thôn Tân Long-Xóm Đá đến Chùa Phước Đồng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Chùa Phước Đồng đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Thành</b>				
+	Đoạn từ ngã ba đường dẫn cầu Long Phú đến nhà ông Suông	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Suông đến ngã ba nhà ông Thành	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Thành đến giáp ranh xã An Hiệp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường xung quanh xóm gỗ</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ Trường tiểu học đến Gò Giam</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ chợ Phú Tân đến hết khu dân cư Hòa Thạnh</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã tư đến Trường Mẫu giáo đội 5</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ nhà ông Vàng đến Hòa Tú</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
6.5	<b>Khu qui hoạch dân cư thôn Phú Tân:</b>				
-	Các đường rộng: 10mét; 8mét	1,2			
-	Đường rộng 6mét	1,1			
6.6	<b>Khu tái định cư thôn Phú Tân 2:</b> Đường rộng 9mét (giáp QL1)	1,1			
6.7	<b>Khu tái định cư Gò Điều:</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5	1,0			
6.8	<b>Đường liên xã:</b>				
-	Đường từ ngã ba đường liên xã (nhà bà Ngọt) đến đường dẫn phía Nam cầu Long Phú	2,5	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Long Phú đến ngã ba đường đi Xóm Đá	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>6.9</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã An Dân</b>				
<b>7.1</b>	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ phía Bắc cầu Ngân Sơn đến Nam cầu Nhân Mỹ	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bắc cầu Nhân Mỹ đến phía Bắc đường vào công thôn Bình Chính	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ phía Bắc đường vào công thôn Bình Chính đến giáp ranh TX.Sông Cầu	1,3	1,0	1,0	1,0
<b>7.3</b>	<b>Khu tái định cư thôn Cần Lương:</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4	1,0			
<b>7.4</b>	<b>Khu tái định cư Đồng Đèo, thôn Cần Lương</b>				
-	Các đường số: 1, 1A, 2, 3, 4, 5, 6, 7	1,0			
<b>7.5</b>	<b>Khu tái định cư Đồng Cây Khế, thôn Bình Chính</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4, 5	1,1			
<b>7.6</b>	<b>Đường xã lộ:</b>				
-	Đoạn từ QL1A (Phú Mỹ) đến ngã ba Cây Da	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Cây Da đến cầu An Thổ	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu An Thổ đến Trường Tiểu học số 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>7.7</b>	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	Đoạn từ công chào thôn Long Uyên đến Trụ sở thôn Long Uyên	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chùa Thanh Long đến công chào Mỹ Long	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chào Mỹ Long đến giáp ranh xã Xuân Sơn Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7.8</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã An Thạch</b>				
<b>8.1</b>	<b>Đường QL1A-Gành Đá Đĩa:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cầu Lò Gốm đến công Sơn Chà (giáp An Ninh Tây)	1,5	1,3	1,0	1,0
8.2	<b>Đường ngã ba Bà Ná đến đèo Đăng:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba Bà Ná đến công văn hoá thôn Phú Thịnh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công thôn Phú Thịnh đến Đèo Đăng	1,2	1,0	1,0	1,0
8.3	<b>Đường từ cầu Lò Gốm đến hết đường bê tông thôn Hà Yên</b>				
-	Đoạn từ cầu Lò Gốm đến bờ đê thôn Quảng Đức	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ bờ đê thôn Quảng Đức đến cuối đường bê tông thôn Hà Yên	1,2	1,0	1,0	1,0
8.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
9	<b>Xã An Ninh Tây:</b>				
9.1	<b>Đường quốc lộ 1A-Gành Đá Đĩa:</b>				
-	Đoạn từ công Sơn Chà đến ngã ba đi Hội Phú	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đi Hội Phú đến giáp ranh xã An Ninh Đông	1,6	1,3	1,0	1,0
9.2	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	Đường từ chợ Thủy đến ngã ba Xóm Giã	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ chợ Thủy đến ngã ba cuối thôn Tiên Châu-Bình Thạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ đóc Bà Tron đến cảng cá thôn Tiên Châu	1,4	1,1	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Đội thuế đến tiếp giáp đường vào chùa Hưng Thiện	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cây xăng HTXNN đến cửa Bà Chi	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến công thôn Bình Thạnh (cầu gỗ)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Xóm Giã đến Bùn Cá cũ thôn Tiên Châu	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba cuối thôn Tiên Châu đến đóc Miếu Bình Thạnh	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Bà Thung đến bờ tràn Sơn Chà thôn Diêm Điền	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Cảng cá Tiên Châu đi cầu gỗ Bình Thạnh (đường nội bộ vùng	1,3	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	nuôi tôm)				
-	Đoạn từ công Trường Tiểu học số 1 đến nhà ông Chút, Xuân Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Cương đến nhà bà Cúc, Xuân Phú (khu vực chợ Giã)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba cầu Lâm đến nhà ông Mỹ, Hội Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Trạm xá đến Trường Tiểu học số 2, Tiên Châu	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bưu điện đến nhà ông Tâm, Xuân Phú	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Sân kho cây khế đến nhà ông Đường (đội 3)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà trẻ Hội Phú đến đường liên xã	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường liên xã đến khu tái định cư (đội 17-Diêm Điền)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông Hội Phú (Cây Gòn) đến cầu gỗ Bình Thạnh	1,1	1,0	1,0	1,0
9.3	<b>Khu dân cư Đồng Thủy-Tiên Châu:</b>				
-	Các đường số: 1, 2, 3, 4	1,0			
9.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Xã An Ninh Đông</b>				
10.1	<b>Đường quốc lộ 1A-Gành Đá Đĩa:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Ninh Tây đến ngã ba đường đi đèo Biển	1,6	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo Biển đến giáp thôn Phú Hạnh	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp thôn Phú Hạnh đến Gành Đá Đĩa	1,2	1,1	1,0	1,0
10.2	<b>Đường phía Bắc cầu An Hải:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba đi Gành Đá Đĩa (Trường Ngô Mây) đến Bắc cầu An Hải	1,5	1,3	1,0	1,0
10.3	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	<b>Đường từ công bộ 6 đến cuối Bãi Bàng</b>				
+	Đoạn từ ngã ba công bộ 6 đến đỉnh dốc Đá Đen thôn 5	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
+	Đoạn từ đình dốc Đá Đen đến giáp cuối Xóm 9 thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà bà Hương (thôn 5)	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Trạm y tế xã đến nhà ông Biện Minh Hùng thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Bích đến nhà ông Lê thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba đường đi đèo biên đến đình đèo thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba nhà bà Lượng đến nhà ông Nhựt thôn 5	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba nhà ông Cảnh đến nhà ông Hiệp thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công chào thôn số 2 đến nhà ông Dân thôn 6	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công chào số 2 thôn 6 đến cuối Bãi Bàng	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba đường 773 đến cuối đường thôn 7</b>				
+	Đoạn từ ngã ba đường 773 thôn 7 đến giáp Miếu thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ miếu thôn 7 đến cuối đường thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ miếu thôn 7 đến Khu tái định cư Lễ Thịnh	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã ba Xóm Cát đường 773 đến nhà ông Lê Hãn thôn 7	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ngã ba Mả Đạo đến bên đò thôn 8</b>				
+	Đoạn từ ngã ba Mả Đạo đến Cầu Am	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ Cầu Am đến Bến đò thôn 8	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ HTXNN Nam An Ninh đến giáp An Cư</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ chợ Đăng cũ thôn 8 đến giáp ngã ba đường 773</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
10.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Xã An Định</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
11.1	<b>Đường ĐT641:</b>				
-	Đoạn từ đỉnh Đèo Thị đến công chân Đèo Thị (nhà ông Tiên)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công chân Đèo Thị đến ranh giới huyện Đông Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0
11.2	<b>Đường ĐT650:</b> đoạn từ cầu Cây Cam đến giáp ranh xã An Nghiệp	1,2	1,0	1,0	1,0
11.3	<b>Đường Hòn Đôn đi An Lĩnh:</b> Từ đường sắt đến cầu Bà Chứa	1,1	1,0	1,0	1,0
11.4	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	Đường từ đường ĐT641 đến khu dân cư (Trường Tiểu học cũ)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường giáp thị trấn Chí Thạnh (cầu Ngân Sơn) đi đến Trường Tiểu học cũ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường ĐT641 (thôn Phong Hậu) đến ngã ba đi Long Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
11.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>12</b>	<b>Xã An Nghiệp:</b>				
12.1	<b>Đường ĐT650:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Định đến trảng (cũ) vùng 9 An Nghiệp	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trảng (cũ) vùng 9 An Nghiệp đến cầu Ông Tài	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ông Tài đến giáp ranh xã An Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0
12.2	<b>Đường Hòn Đôn đi An Lĩnh</b>				
-	Đoạn từ giáp xã An Định đến công Cây Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Cây Đông đến giáp ranh xã An Lĩnh	1,1	1,0	1,0	1,0
12.3	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	<b>Đường từ ĐT650 đến vùng 3 An Nghiệp</b>				
+	Đoạn từ ĐT650 đến công Lập Lãng	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công Lập Lãng đến ngã ba vùng 3 An Nghiệp	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ĐT650 (ngã ba vùng 10) đến Hồ Đồng Tròn	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ cầu hồ Đồng Tròn đến đập Thế Hiến	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	<b>Đường đi vùng 12, vùng 13:</b>				
+	Đoạn từ đường ĐT650 đến ngã ba nhà ông Tăng Ngọc Châu	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 13	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ nhà ông Tăng Ngọc Châu đến khu dân cư vùng 12	1,1	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ ĐT650 đến Hóc Bò:</b>				
+	Đoạn từ ĐT650 đến công vôi vùng 9	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công vôi vùng 9 đến bờ Cao nhà ông Chương	1,1	1,0	1,0	1,0
12.4	<b>Đường liên thôn, xóm:</b>				
+	Đoạn từ ngã ba phân Trường tiểu học Định Phong đến sân kho vùng 4, thôn Định Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ công Cây Đông đến khu dân cư Trảng Đé	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ khu dân cư Trảng Đé đến cuối xóm Hóc Lá, vùng 2A, thôn Định Phong	1,1	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ ngã Bản Tin thôn Thê Hiên đến Đập Thê Hiên	1,1	1,0	1,0	1,0
12.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>Xã Miền Núi (3 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã An Thọ:</b>				
1.1	<b>Đường ĐT643:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Mỹ đến cuối xóm Đất Cày thôn Tân Lập	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cuối thôn Tân Lập đến giáp Sơn Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	<b>Các đường xã lộ:</b>				
-	Đường từ dốc Súc thôn Phú Cần đến đầu dốc Lầy thôn Phú Cần	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Chòm Bắc thôn Phú Cần đến cầu Lô Găng thôn Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ Trảng Hòn Gió đến cuối thôn Lam Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã An Xuân:</b>				
2.1	<b>Đường ĐT650:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến đầu thôn Xuân Yên	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ thôn Xuân Yên đến đường vào UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường vào UBND xã đến Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	<b>Đường từ ĐT650 đến cuối thôn Xuân Trung</b>				
+	Đoạn giáp đường ĐT 650 (từ UBND xã) đến đầu thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
+	Đoạn từ NVH thôn Xuân Trung đến cuối thôn Xuân Trung	1,0	1,0	1,0	1,0
-	<b>Đường từ nhà văn hóa thôn Xuân Hòa đến nhà ông Ninh</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã An Lĩnh</b>				
3.1	<b>Đường Hòn Đồn đi An Lĩnh:</b> đoạn từ giáp ranh xã An Nghiệp đến UBND xã An Lĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	<b>Đường liên xã:</b> đoạn từ đầu chợ Phong Thái đi Giếng Đông-An Nghiệp	1,0	1,0	1,0	
3.3	<b>Các đường liên thôn:</b>				
-	Đường từ công thôn Phong Lãnh đến dốc Chùa thôn Phong Lãnh (giáp Long Đức Chí Thạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu thôn Phong Thái đến cuối thôn Quang Thuận	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ ngã ba Hòn Dung thôn Thái Long đến xóm Giồng sắt thôn Vĩnh Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ đầu xóm Gò đến cuối xóm Tiếng thôn Tư Thạnh	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa (8 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (7 xã)</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>1</b>	<b>Xã Hòa An</b>				
1.1	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thành phố Tuy Hòa đến ngã ba QL 25-tỉnh lộ 7 (cũ)	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 25-tỉnh lộ 7 (cũ) đến Quốc lộ 1A	1,2	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	<b>Xã lộ 21:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến QL1A				
	+ Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến ngã tư đường liên xã	1,0	1,0	1,0	1,0
	+ Đoạn từ đường liên xã đến Quốc lộ 1A	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	<b>Tỉnh lộ 7:</b> đoạn từ ranh giới Bình Ngọc đến QL25	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	<b>Xã lộ 22:</b> đoạn từ ranh giới Bình Ngọc-Hòa An đến ranh giới xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh giới Bình Ngọc-Hòa An đến QL25	1,5	1,3	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL25 đến ranh giới xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
1.5	<b>Đường liên xã Hòa An-Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa:</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến ngã tư xã lộ 21	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư xã lộ 21 đến Quốc lộ 1A	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ QL1A đến ranh giới xã Hòa Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0
1.6	<b>Đường liên thôn Phú Ân-Vĩnh Phú:</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 25 đến cầu ông Nhân	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu ông Nhân đến Đường liên xã Hòa An, Hòa Thắng, thị trấn Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
1.7	<b>Đường từ Quốc lộ 25 (cầu số 4) đến ranh giới xã Hòa Trị</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
1.8	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Hòa Thắng</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.1	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh giới xã Hòa An đến trụ Km8	1,4	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trụ Km8 đến trụ Km9	1,5	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ trụ Km9 đến giáp ranh giới thị trấn Phú Hòa	1,3	1,2	1,2	1,2
2.2	<b>Xã lộ 21:</b> đoạn từ ranh giới Hòa An đến Quốc lộ 25	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Xã lộ 25:</b> đoạn từ Quốc lộ 25 đến ranh giới xã Hòa Định Đông				
	+ Đoạn từ đường liên xã Hòa An-Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa đến Quốc lộ 25	1,4	1,3	1,3	1,3
	+ Đoạn từ Quốc lộ 25 đến ngã tư Gò 7 Hẹ	1,8	1,5	1,3	1,3
	+ Đoạn từ ngã tư Gò 7 Hẹ đến ranh giới xã Hòa Định Đông	1,4	1,3	1,3	1,3
2.4	<b>Đường liên xã Hòa An-Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa:</b> đoạn từ ranh giới Hòa An-Hòa Thắng đến ranh giới Hòa Thắng-thị trấn Phú Hòa				
	+ Đoạn ranh giới xã Hòa An đến cầu Chợ	1,3	1,2	1,2	1,2
	+ Đoạn từ cầu Chợ đến cầu Lý Hồng Thạch	1,6	1,2	1,2	1,2
	+ Đoạn đến ranh giới thị trấn Phú Hòa	1,3	1,2	1,2	1,2
2.5	<b>Đường liên xã Hòa Thắng-Hòa Trị:</b> đoạn từ Cầu Đông Lộc đến ranh giới xã Hòa Trị	1,2	1,2	1,2	1,2
2.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>XÃ HÒA ĐỊNH ĐÔNG</b>				
3.1	<b>Xã lộ 25:</b> đoạn từ ranh giới xã Hòa Thắng đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,5	1,2	1,2	1,2
3.2	<b>Đường vào làng nghề bún Định Thành từ đường xã lộ 25 đến xóm bún</b>	1,3	1,2	1,2	1,2
3.3	<b>Đường ô tô đến trung tâm xã Hòa Định Đông từ kênh N1 đến cầu ông Chung</b>	1,3	1,2	1,2	1,2
3.4	<b>Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông:</b> đoạn từ ranh giới Hòa Quang Nam đến thôn Định Thái	1,3	1,2	1,2	1,2
3.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	<b>xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,3	1,2	1,2	1,2
<b>4</b>	<b>Xã Hòa Định Tây</b>				
<b>4.1</b>	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Phú Hòa đến trụ Km22	1,5	1,2	1,2	1,2
-	Đoạn từ trụ Km22 đến ranh giới xã Hòa Hội	1,5	1,2	1,2	1,2
4.2	<b>Đường liên thôn Cẩm Thạch-Phú Sen</b>	1,4	1,1	1,1	1,1
4.3	<b>Đường bờ vùng hàng dừa</b>	1,4	1,1	1,1	1,1
4.4	<b>Đường từ cầu UBND xã đến đường liên thôn Cẩm Thạch, Phú Sen</b>	1,4	1,1	1,1	1,1
4.5	<b>Đường bờ vùng sân kho 3 từ Quốc lộ 25 đến đường liên thôn</b>	1,2	1,1	1,1	1,1
4.6	<b>Đường bờ vùng suối bà Lượng từ Quốc lộ 25 đến đường liên thôn</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
4.7	<b>Các đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Hòa Trị</b>				
<b>5.1</b>	<b>Xã lộ 22</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa An đến cầu chui thôn Phước Khánh	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu chui thôn Phước Khánh đến UBND xã Hòa Trị	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã Hòa Trị đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,3	1,2	1,2	1,2
5.2	<b>Đường liên xã Hòa Thăng-Hòa Trị: Đoạn từ xã lộ 22 đến ranh giới xã Hòa Thăng</b>	2,4	1,4	1,4	1,4
5.3	<b>Đường liên xã Hòa Trị-Hòa Kiên: Đoạn từ xã lộ 22 đến ranh giới xã Hòa Kiên</b>	1,1	1,1	1,1	1,1
5.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,4	1,4	1,2	1,2
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Quang Bắc</b>				
<b>6.1</b>	<b>Xã lộ 22:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm+100m	1,6	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ chợ Hạnh Lâm+100m đến dốc Hào Hai	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Hào Hai đến giáp ranh giới khu NN áp dụng công nghệ cao	1,2	1,1	1,0	1,0
6.2	<b>Trục đường chính khu NN áp dụng công nghệ cao (từ kênh N1 đến ngã ba bản tin điểm kinh tế mới)</b>	1,6	1,2	1,1	1,1
6.3	<b>Xã lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ xã lộ 22 đến cầu Vôi núi Miếu	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Vôi Núi Miếu đến ranh giới kênh N1	1,2	1,0	1,0	1,0
6.4	<b>Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông:</b> đoạn từ xã lộ 22 đi bầu tròn đến ranh giới xã Hòa Quang Nam	1,0	1,0	1,0	1,0
6.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	<b>Xã Hòa Quang Nam</b>				
7.1	<b>Xã lộ 22:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Trị đến cây xăng Hòa Quang Nam	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cây xăng Hòa Quang Nam đến chợ Hạnh Lâm + 100m	1,3	1,0	1,0	1,0
7.2	<b>Xã lộ 25:</b> đoạn từ ranh giới Hòa Định Đông đến ranh giới xã Hòa Quang Bắc	1,1	1,0	1,0	1,0
7.3	<b>Đường kết nghĩa xã Hòa Quang Nam</b>				
-	Đoạn từ kênh N5 đến kênh N3 (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh N3 (cũ) đến Tô hợp tác Sơn Phú	1,0	1,0	1,0	1,0
7.5	<b>Đường liên xã Hòa Quang Nam-Hòa Quang Bắc-Hòa Định Đông:</b> đoạn từ thôn Mậu Lâm Nam đến thôn Quang Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0
7.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>B</b>	<b>Vùng miền núi (1 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Hội</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.1	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Định Tây-Hòa Hội đến trụ Km28	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trụ Km28 đến Km28+400 (ngã tư Trường tiểu học Hòa Hội)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km28+400 đến ranh giới xã Sơn Hà	1,2	1,1	1,0	1,0
1.2	<b>Đường liên thôn Phong Hậu-Nhất Sơn</b>	1,2	1,1	1,0	1,0
1.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>				
<b>A</b>	<b>Vùng đồng bằng (8 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Thành</b>				
1.1	<b>Đường liên thôn:</b> Từ cầu sắt vùng 3 Phước Lộc 1 đến công văn hóa thôn Lộc Đông	1,2	1,0	1,0	1,0
1.2	<b>Đường ĐT645:</b>				
-	Đoạn từ Trạm bơm Phú Lâm đến Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bưu điện văn hóa thôn Lộc Đông đến ranh giới xã Hòa Bình 1	1,2	1,1	1,0	1,0
1.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Hòa Tân Đông</b>				
2.1	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Vinh đến ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương (đường vào nhà ông Nguyễn Chợ)	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh giới thôn Phú Đa và thôn Phú Lương đến ranh giới xã Hòa Tân Tây	1,3	1,1	1,0	1,0
2.2	<b>Đoạn Kè Phú Đa</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Hòa Hiệp Bắc</b>				
3.1	<b>Đường liên huyện</b>				
-	Đoạn từ ranh giới phường Phú Thạnh đến UBND xã (nhà ông Ngô Ân)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã (nhà ông Ngô Ân)	1,2	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đến ranh giới Thị trấn Hòa Hiệp Trung				
3.2	<b>Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương):</b> đoạn từ giáp phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa đến giáp thị trấn Hòa Hiệp Trung	1,3			
3.3	Đường từ đường liên huyện đến công chính KCN Hòa Hiệp 1	1,3	1,0	1,0	1,0
3.4	<b>Khu Tái định cư thuộc dự án Tuyến nối QL 1 (Đông Mỹ) đến KCN Hòa Hiệp (giai đoạn 1)</b>				
	Đường rộng 16mét	1,4			
	Đường rộng 10mét	1,2			
3.5	<b>Khu dân cư thôn Uất lâm</b>				
-	Đường rộng 9mét	1,3			
-	Đường rộng 5mét	1,2			
3.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	<b>Xã Hòa Hiệp Nam</b>				
4.1	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung đến Trường THCS Trần Kiệt (đường liên xã)	1,3	1,2	1,0	1,0
4.2	<b>Tuyến đường ven biển (đại lộ Hùng Vương)</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hòa Hiệp Trung đến Bắc cầu Đà Nông	1,7	1,4	1,2	1,0
4.3	<b>Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 1)</b>				
-	Các đường rộng: 24mét; 20mét	1,4			
-	Các đường rộng: 16mét; 12mét	1,3			
4.4	<b>Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 2)</b>				
-	Các đường rộng: 24mét; 20mét	1,4			
-	Các đường rộng: 16mét; 12mét	1,3			
4.5	<b>Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Hòa Hiệp (giai đoạn 2):</b> Các đường rộng: 30mét; 16mét; 12mét; 10mét; 9mét	1,3			
4.6	<b>Khu tái định cư Phú Lạc, phục vụ đường dẫn cầu Đà Nông (giai đoạn 2):</b> Các đường rộng: 12mét; 5mét	1,3			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>4.7</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Hòa Tâm</b>				
<b>5.1</b>	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Từ cầu Đà Nông đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ giáp ranh Cảng Bãi Góc đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>5.2</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,2	1,1	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Hòa Xuân Nam</b>				
<b>6.1</b>	<b>Quốc lộ 29:</b> Từ ranh giới xã Hòa Tâm đến Cảng Vũng Rô	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>6.2</b>	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Xuân Đông đến cầu Sông Mới	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Sông Mới đến chân Đèo Cả (nhà ông Trần Thanh Hóa)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chân Đèo Cả (nhà ông Trần Thanh Hóa) đến ranh giới xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0
6.3	<b>Đường từ điểm nối Quốc lộ 1 đến điểm nối Quốc lộ 29</b>	1,1			
<b>6.4</b>	<b>Khu Tái định cư Hàm đường bộ Đèo cả</b>				
-	<b>Đường D9:</b> đoạn từ D1 đến D2	1,2			
-	<b>Đường D2:</b> đoạn từ D9 đến D3	1,2			
-	<b>Đường D9:</b> đoạn từ D2 đến D7	1,2			
-	Các đoạn đường còn lại trong Khu tái định cư	1,1			
<b>6.5</b>	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Hòa Xuân Đông</b>				
<b>7.1</b>	<b>Quốc lộ 1A:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới Hòa Xuân Tây đến nương thủy lợi Nam Bình	1,7	1,4	1,0	1,0
-	Đoạn từ nương thủy lợi Nam Bình đến cầu Cây Tra	1,3	1,3	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cầu Cây Tra đến ranh giới xã Hòa Xuân Nam	1,3	1,0	1,0	1,0
7.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	<b>Điểm dân cư dãy phố chợ trung tâm thôn Bàn Thạch</b>				
	Các đoạn đường rộng 6m	1,6			
<b>8</b>	<b>Xã Hòa Xuân Tây</b>				
8.1	<b>Quốc lộ 1A:</b> Từ cầu Bàn Thạch đến ranh giới xã Hòa Xuân Đông	1,7	1,4	1,0	1,0
8.2	<b>Đường liên thôn:</b> Từ chùa Phước Long đến Khu tái định cư	1,3	1,1	1,0	1,0
8.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa (10 xã)</b>				
<b>A</b>	<b>Xã đồng bằng (6 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Tân Tây</b>				
1.1	<b>Quốc lộ 29</b>				
-	Đoạn từ cầu Ga Gò Mâm mới đến nhà hàng Dạ Thảo 3 (sau khi đã đầu tư hạ tầng)	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà hàng Dạ Thảo 3 đến giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ giáp phía Tây Trường THCS Phạm Đình Quy đến cầu Tạ Bích	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Tạ Bích đến giáp đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường bê tông phía Đông nhà ông Đặng Văn Quế đến giáp ranh giới xã Hòa Tân Đông, Đông Hòa	1,3	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ ga Gò Mâm cũ đến giáp Quốc lộ 29 mới	1,4	1,2		
1.2	<b>Đường bờ kênh N1:</b> đoạn từ cống (đi ra nhà ông Nguyễn Dũng) đến giáp ranh xã Hòa Tân Đông	1,2	1,2	1,0	1,0
1.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	3,0	2,5	1,3	1,0
-	Khu vực 2	2,0	1,5	1,0	1,0
<b>2.</b>	<b>Xã Hòa Đông</b>				
2.1	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Từ ranh giới thị trấn Phú Thứ đến ngã ba Phú Diễn	5,0	4,0	1,2	1,0
-	Từ ngã ba Phú Diễn đến trường THCS Nguyễn Thị Định	5,0	4,0	1,2	1,0
-	Từ Trường THCS Nguyễn Thị Định đến ranh giới xã Hòa Mỹ Đông	6,0	5,0	1,2	1,0
2.2	<b>Đường từ cầu Dâu xã 10 đến nhà ông Tám Nhon</b>	1,2	1,3	1,0	1,0
2.3	<b>Đường từ cầu Dâu xã 10 đến nhà ông Tám Phú</b>	1,1	1,3	1,0	1,0
2.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	3,0	2,5	1,2	1,0
-	Khu vực 2	2,0	1,5	1,1	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Hòa Bình 1:</b>				
3.1	<b>Đường ĐT645:</b>				
-	Từ ranh giới xã Hòa Thành đến cây xăng HTXNN.KD DV Hòa Bình 1	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Từ cây xăng HTXNN.KD DV Hòa Bình 1 đến cầu Bà Kế	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Từ cầu Bà Kế đến ranh giới thị trấn Phú Thứ	1,4	1,2	1,0	1,0
3.2	<b>Đường Bờ kênh Nam: đoạn từ cầu Bà Nhún Phước Nông đến cầu ông Bốn Chân</b>	2,0			
3.3	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,3	1,1	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Hòa Phú</b>				
4.1	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ cầu Lương Phước đến đường vào nhà thờ Tin lành	2,0	1,3	1,2	1,1
-	Đoạn từ ranh giới cầu Lạc Mỹ đến giáp xã Sơn Thành Đông	1,6	1,3	1,2	1,1
-	Các đoạn đường còn lại Quốc lộ 29	1,3	1,3	1,2	1,1
4.2	<b>Đường Xếp Thông-Núi Lá đi Hòa Mỹ Tây</b>	1,2	1,0	1,0	1,0
4.3	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,2	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Hòa Phong</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5.1	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn giáp ranh từ thị trấn Phú Thứ đến Cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1	1,4	1,3	1,3	1,3
-	Đoạn từ Cầu Ga, Mỹ Thạnh Đông 1 đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,4	1,3	1,3	1,3
5.2	<b>Đường bờ kênh Nam</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Phú Thứ đến cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1	1,3	1,3		
-	Đoạn từ Cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới Chùa Mỹ Quang	1,3	1,3		
-	Đoạn từ Chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,4	1,4		
5.3	<b>Đường cầu Ga đi xã Hòa Đông theo Kênh N6</b>				
-	Đoạn từ cầu Ga đến cầu ông Ba Thu	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Đoạn từ cầu ông Ba Thu đến giáp xã Hòa Đông	1,4	1,4	1,4	1,4
5.4	<b>Đường từ Nghĩa trang huyện đi xã Hòa Mỹ Đông theo Kênh N4 đến giáp đường liên xã Hoà Phong-Phú Nhiêu</b>	1,4	1,4	1,4	1,4
5.5	<b>Đường liên xã Hòa Phong-Phú Nhiêu (Hoà Mỹ Đông)</b>				
-	Đoạn từ cầu Hào Ba đến bìa phía Bắc Núi Đất (điểm sinh hoạt dân cư Mỹ Thạnh Trung 2)	1,4	1,4	1,3	1,3
-	Đoạn còn lại	1,4	1,4	1,4	1,4
5.6	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,4	1,4	1,4	1,4
-	Khu vực 2	1,4	1,4	1,3	1,3
6	<b>Xã Hoà Mỹ Đông</b>				
6.1	<b>Đường liên xã Phú Thuận-Mỹ Thành</b>				
-	Đoạn từ cầu Đúc đến Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông	5,0	4,0	1,2	1,1
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã đến Trường tiểu học số 2 (Vườn Thị)	3,0	2,0	1,2	1,1
-	Đoạn từ Trường tiểu học số 2 (Vườn Thị) đến giáp xã Hòa Mỹ Tây	2,0	1,3	1,2	1,1
6.2	<b>Đường từ Xuân Mỹ đến thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh: đoạn từ ngã ba Vườn Thị đến Trụ sở thôn Xuân Mỹ</b>	1,4	1,3	1,3	1,3

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>6.3</b>	<b>Đường Xếp thông-Núi Lá (giai đoạn 2):</b> đoạn từ ngã ba Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Trường UNECEP (cũ)	2,0	1,1	1,1	1,1
<b>6.4</b>	<b>Khu vực xung quanh chợ Phú Nhiêu</b>	4,0			
<b>6.5</b>	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Đông đến đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu)	2,0	1,3	1,1	1,1
-	Đoạn từ đường bê tông xi măng (Phú Thuận đi Phú Nhiêu) đến giáp xã Hòa Thịnh	2,0	1,3	1,1	1,1
<b>6.6</b>	<b>Đường liên xã Phú Nhiêu-Hòa Phong</b>				
-	Đoạn từ Cửa hàng ông Nguyễn Văn Phú đến Trụ sở thôn Vạn Lộc	3,0	2,0	1,6	2,0
-	Đoạn từ Trụ sở thôn Vạn Lộc đến giáp xã Hòa Phong	3,5	2,3	2,3	2,0
<b>6.7</b>	<b>Các đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	2,0	2,0	2,0	1,5
<b>B</b>	<b>Xã Miền núi (4 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Hòa Mỹ Tây</b>				
<b>1.1</b>	<b>Đường liên xã Phú Thuận-Mỹ Thành</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Hòa Mỹ Đông đến nhà ông Nguyễn Hích	1,5	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hích đến cầu Bầu Sen	2,0	1,5	1,1	1,1
-	<b>Đoạn từ nhà ông Nguyễn Kim Định đến đội 1 Quảng Mỹ (Huyện xếp đoạn chưa liên tục)</b>	2,0	1,5	1,1	1,1
-	Đoạn từ cầu Bầu Sen đến nhà ông Trần Thiện Khiêm	1,5	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trần Thiện Khiêm đến cầu Bến Nhiêu	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bến Nhiêu đi Bến Mít	1,2			
-	Đoạn từ Bến Mít đến giáp ranh thủy điện Đá Đen	2,0	1,5	1,0	1,0
<b>1.2</b>	<b>Đường Xếp Thông-Núi lá (giai đoạn 1) đi Hoà Phú</b>				
-	Đoạn từ UBND xã đến Cầu Khai	2,0	1,5	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Khai đến giáp ranh xã Hòa Phú	1,8	1,3	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.3	<b>Đường từ Ga Hòn Sặc đến giáp xã Hòa Mỹ Đông</b>				
-	Đoạn từ Ga Hòn Sặc đến Trường mầm non (Đội 5 cũ)	2,0	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường mầm non (đội 5 cũ) đến giáp xã Hòa Mỹ Đông	2,0	1,1	1,0	1,0
1.4	<b>Đường Xếp Thông-Núi Lá (giai đoạn 2) đi Hòa Mỹ Đông: đoạn từ Cầu khui đến giáp ranh xã Hòa Mỹ Đông</b>	1,5	1,2	1,0	1,0
1.5	<b>Đường liên xã Hòa Mỹ Tây-Sơn Thành Đông: đoạn từ Bên Mít đến giáp xã Sơn Thành Đông</b>	1,5			
1.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,5	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,5	1,1	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Hòa Thịnh</b>				
2.1	<b>Đường liên xã Phú Thứ-Hòa Thịnh</b>				
-	Đoạn từ cầu Bến Củi đến nhà ông Chính	2,0	1,5	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Chính thôn Mỹ Hòa đến nhà ông Thuốt thôn Mỹ Xuân 2	3,0	2,0	1,2	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Thuốt đến Trạm kiểm lâm	1,5	1,2	1,0	1,0
2.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Sơn Thành Đông</b>				
3.1	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Hòa Phú đến công Hòa Bình thôn Phú Thịnh	2,5	2,0	1,5	1,0
-	Đoạn từ công Hòa Bình đến Xưởng cưa Thành Sơn	6,0	5,0	3,0	1,0
-	Đoạn từ Xưởng cưa Thành Sơn đến giáp xã Sơn Thành Tây	1,7	1,5	1,0	1,0
3.2	Đường từ QL29 đến ngã ba nhà Nguyễn Định thôn Lê Lộc Bình	3,0	3,0	1,0	1,0
3.3	Đường từ QL29 đến Trường Tiểu học số 2 thôn Phú Thịnh	3,0	3,0	1,0	1,0
3.4	Đường từ QL29 đến Trường Tiểu học số 2 thôn Lạc Điền	3,0	3,0	1,0	1,0
3.5	Đường từ QL29 đến ngã ba nhà Thiều Văn Nửa thôn Bình Thắng	3,0	3,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3.6	Đường từ QL29 đến nhà Nguyễn Lắc thôn Bình Thắng	3,0	3,0	1,0	1,0
3.7	Đường từ QL29 đến ngã tư nhà Nguyễn Xuân Thọ thôn Bình Thắng	3,0	3,0	1,0	1,0
3.8	Đường từ QL29 đến nhà Nguyễn Kỳ Xuất thôn Mỹ Bình	3,0	3,0	1,0	1,0
3.9	<b>Đường từ Quốc lộ 29 đi cầu Bến Mít</b>				
-	Đoạn từ QL29 đến nhà ông Trương Minh Tài	6,0	3,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Trương Minh Tài đến nhà ông Lê Nhường	2,0	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Lê Nhường đi đến cầu Bến Mít	1,5			
3.10	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	2,0	2,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Sơn Thành Tây</b>				
4.1	<b>Quốc lộ 29:</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Sơn Thành Đông đến cuối dốc Công ty Vinacafe Sơn Thành	6,0	3,0	2,0	1,0
-	Đường từ Nghĩa trang xã đến dốc Dáng Hương	4,0	1,5	1,0	1,0
-	Các đoạn còn lại Quốc lộ 29	1,5	1,2	1,0	1,0
4.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại</b>				
-	Khu vực 1	1,5	1,5	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,5	1,2	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh</b>				
	<b>Vùng miền núi (10 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Giang</b>				
1.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645 cũ):</b>				
-	Đoạn từ cầu Sông Nhau đến kênh tây Thủy điện Sông Hinh	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ kênh Tây Thủy điện Sông Hinh đến hết Buôn Suối Biều	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Buôn Suối Biều đến giáp ranh giới xã Đức Bình Đông	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	<b>Từ đường Quốc lộ 29 (ĐT645) đến thôn Hà Giang</b>	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.3	<b>Đường 20 tháng 7 (20/7):</b>				
-	Đoạn từ Quốc lộ 29 đến phân Trường Tiểu học Nam Giang (đường 20/7) (bổ sung mới)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Sơn Giang (cũ) đến Trường Tiểu học xã Sơn Giang	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Đức Bình Đông</b>				
2.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Giang đến giáp công Suối Gáo (đường vào mỏ khai thác đá)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Suối Gáo (đường vào mỏ khai thác đá) đến cầu Sông Hinh	1,3	1,2	1,0	1,0
2.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Ea Bia</b>				
3.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ cầu Sông Hinh đến cầu suối Dù	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Dù đến giáp điểm giáp ranh khu CN-TTCN (thị trấn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ điểm giáp ranh khu CN-TTCN đến ranh giới thị trấn Hai Riêng	1,1	1,0	1,0	1,0
3.2	<b>Đường ĐT649:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn (cầu Ea Bia) đến cầu Đung Gia (nhà Ma Cách)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Đung Gia (nhà Ma Cách) đến giáp ranh giới xã Ea Trol	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	<b>Đường từ trảng suối Bệnh viện đến ngã ba Buôn Dành B đi Ea Trol</b>	1,4	1,0	1,0	1,0
3.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Đức Bình Tây</b>				
4.1	<b>Đường ĐT649:</b>				
-	Đoạn từ điểm đầu cầu Sông Ba đến cầu ông Nậy	1,3	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cầu ông Nãy đến cuối khu dân cư Buôn Quang Dù	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ khu dân cư Buôn Quang Dù đến giáp ranh giới thị trấn Hai Riêng	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	<b>Đường đi thôn Tuy Bình:</b> đoạn từ đường Quốc lộ 29 đến cuối thôn Tuy Bình	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	<b>Đường chợ:</b> đoạn từ đường ĐT649 đến ngã tư cuối nhà ông Nghị	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	<b>Đường thôn An Hòa:</b> từ ngã tư đường ĐT649 đi đến giáp đường số 9B cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	<b>Đường đi đập chính thủy điện sông Ba Hạ:</b> đoạn từ ngã ba ĐT649 đi đến đập chính	1,0	1,0	1,0	1,0
4.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
4.7	<b>Khu Dân cư thôn An Hòa</b>				
-	Đường liên thôn rộng 12mét (đoạn từ đường QL19C đến giáp đường D4)	1,1			
-	Đường D4 (đoạn từ giáp đường liên thôn rộng 12mét đến giáp đường QL 19C), đường N3 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường QL19C) và đường N5 (đoạn từ giáp đường D4 đến giáp đường QL19C) rộng 6mét	1,1			
-	Các đường rộng 6mét còn lại	1,1			
<b>5</b>	<b>Xã Ea Trol</b>				
5.1	<b>Đường ĐT649:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Ea Bia đến Trảng Buôn Thu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ trảng Buôn Thu đến Cầu suối Ea Trol	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu suối Ea Trol đến giáp ranh giới xã Sông Hinh	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Sông Hinh</b>				
6.1	<b>Đường ĐT649:</b> đoạn từ ranh giới xã Ea Trol đến ranh giới tỉnh Đắk Lắk	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	<b>Đoạn từ đường ĐT649 đi Suối Tre cũ</b>	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6.3	<b>Đoạn từ ĐT649 đến cuối Trường THCS xã Sông Hình</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Ea Bar</b>				
7.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Hai Riêng đến ngã ba đi Buôn Ken xã Ea Bá	1,0	1,0		
-	Đoạn từ ngã ba đi Buôn Ken, Ea Bá đến UBND xã (Trụ sở mới)	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở UBND xã (mới) đến cầu Buôn Chung	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Buôn Chung đến giáp ranh giới xã Ea Ly	1,4	1,0	1,0	1,0
7.2	<b>Khu quy hoạch mới khu dân cư Buôn Trinh</b>				
-	Các đường rộng 14mét (trừ đường sát với đường ĐT645)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường và đoạn đường còn lại trong khu quy hoạch mới (rộng dưới 14mét)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Ea Ly</b>				
8.1	<b>Quốc lộ 29 (ĐT645):</b>				
-	Đoạn từ cầu ranh giới xã EaBar đến tràn Thanh niên xung phong	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tràn Thanh niên xung phong đến cầu Ea Ly	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ea Ly đến ranh giới tỉnh Đắc Lắc (cầu Erong Reng)	1,1	1,0	1,0	1,0
8.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Các Xã Ea Bá và xã Ea Lâm</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa</b>				
	<b>Vùng miền núi (13 xã)</b>				
<b>1</b>	<b>Xã Sơn Hà</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.1	<b>Đường QL25:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Phú Hòa đến cột Km36	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cột Km36 đến cầu Sông Con	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Sông Con đến ngã ba (giao đường vào thôn Thạnh Hội)	1,5	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn đường từ ngã ba (giao đường vào thôn Thạnh Hội) đến đường vào Chùa Phước Điền	1,4	1,2	1,1	1,0
-	Đoạn từ đường vào Chùa Phước Điền đến ranh giới xã Suối Bạc	1,3	1,1	1,0	1,0
1.2	<b>Đường ĐT648:</b>				
-	Từ giao QL25+100mét về hướng Bắc	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao QL25+100mét về hướng Bắc đến Trần Ngã 2	1,1	1,1	1,0	1,0
1.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
1.4	Đường 24/3 (từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25)	1,2	1,1	1,0	1,0
2	<b>Xã Sơn Nguyên</b>				
2.1	<b>Đường ĐT648:</b>				
-	Đoạn từ cầu Ngã 2 đến hết UBND xã+150mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết UBND xã+150mét đến ranh giới xã Sơn Xuân	1,1	1,1	1,0	1,0
2.2	<b>Đường đi từ thôn Nguyên An đi xã Suối Bạc</b>				
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường ĐT648) thôn Nguyên An đến hết khu dân cư thôn Nguyên Cam	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết khu dân cư thôn Nguyên Cam đến ranh giới xã Suối Bạc	1,1	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
3	<b>Xã Suối Bạc</b>				
3.1	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Hà đến Trạm	1,4	1,1	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	biên áp 35kV Tân Phú				
-	Đoạn từ trạm biên áp 35kV Tân Phú đến hết chợ Suối Bạc	1,5	1,3	1,1	1,0
-	Đoạn từ chợ Suối Bạc đến giao đường Suối Bạc 1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao đường Suối Bạc 1 đến giao đường ĐT646+200mét	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT646+200mét đến giáp ranh xã Eacha Rang	1,1	1,1	1,0	1,0
3.2	<b>Đường Trần Phú nối dài:</b> Từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25				
-	Từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến ngã tư (giao QL25)-200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư (giao QL25)-200mét đến ngã tư (giao QL25)	1,5	1,2	1,0	1,0
3.3	<b>Đường ĐT646 (nay là QL 29C):</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh thị trấn Củng Sơn đến Quốc lộ 25-200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 25-200mét đến Quốc lộ 25+200mét	1,4	1,2	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 25+200mét đến ranh giới xã Sơn Phước	1,2	1,1	1,0	1,0
3.4	<b>Đường Suối Bạc 1, Suối Bạc 2, Suối Bạc 3, Suối Bạc 4</b>	1,5	1,1	1,0	1,0
3.5	<b>Đường 24/3</b> (từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến QL 25)				
-	Đoạn từ ranh giới thị trấn Củng Sơn đến ngã ba (giao đường Suối Bạc 3)-100mét	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao đường Suối Bạc 3)+100mét đến QL25	1,3	1,1	1,0	1,0
3.6	<b>Đường đi thôn Suối Bạc</b>				
-	Đoạn từ ngã tư (giao QL25) đến hết ranh Trường tiểu học Suối Bạc+200mét	1,3	1,1		
-	Đoạn từ hết ranh Trường tiểu học Suối Bạc+200mét đến ngã ba (giao đường đi Hồ Bà Võ)+100mét	1,2	1,1		
3.7	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	<b>Xã Sơn Phước</b>				
4.1	<b>Đường ĐT646:</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến Cầu số 3	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu số 3 đến cầu Hiệp Lai	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hiệp Lai đến hết ranh UBND xã+300 m	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh UBND xã+300m đến ranh giới xã Sơn Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
4.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>5</b>	<b>Xã Eacha Rang</b>				
5.1	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Suối Bạc đến cầu Suối Tre	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Suối Tre đến cầu Eacha Rang	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Eacha Rang đến ranh giới xã Krông Pa	1,1	1,0	1,0	1,0
5.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Krông Pa</b>				
6.1	<b>Quốc lộ 25:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Eacha Rang đến ngã tư-200mét	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư-200mét đến hết ranh Trường Trung học cơ sở	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết ranh Trường Trung học cơ sở đến cầu Cà	1,1	1,0	1,0	1,0
6.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>7</b>	<b>Xã Suối Trai</b>				
-	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
+	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Sơn Xuân</b>				
8.1	<b>Đường ĐT648:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Nguyên đến giáp UBND xã-100mét	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ UBND xã-100mét đến đầu Dốc Đỏ	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ đầu Dốc Đỏ đến ranh giới xã Sơn Long	1,1	1,1	1,0	1,0
8.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã Sơn Long</b>				
9.1	<b>Đường ĐT643:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến (ngã tư) giao ĐT648 và đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (cây xăng Vân Hòa) (Bảng giá đất năm 2014: đoạn từ ranh giới huyện Tuy An đến hồ Vân Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa-hồ Vân Hòa) đến hồ Suối Phèn (Bảng giá đất năm 2014: đoạn từ hồ Vân Hòa đến hồ Suối Phèn)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ hồ Suối Phèn đến (ngã ba) giao với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa (Bảng giá đất năm 2014: đoạn từ hồ Suối Phèn đến hết ranh Trường tiểu học)	1,2	1,1	1,0	1,0
9.2	<b>Đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa</b>				
-	Từ ranh giới huyện Tuy An đến ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa)	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Từ ngã ba (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa và ĐT648)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Từ ngã tư cây xăng Vân Hòa (giao ĐT 643 với đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa và ĐT 648) đến Hồ Suối Phèn	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Từ hồ Suối Phèn đến ngã ba (giao ĐT643)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (giao ĐT643) đến hết khu dân cư xóm Phong Cao	1,1	1,1	1,0	1,0
-	Từ hết khu dân cư xóm Phong Cao đến ranh giới xã Sơn Định	1,1	1,1	1,0	1,0
9.2	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>10</b>	<b>Xã Sơn Định</b>				
10.1	<b>Đường ĐT643:</b>				
-	Đoạn từ nhà thờ Bác Hồ đến ngã tư thôn Hòa Bình (-200 mét)	1,2	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư thôn Hòa Bình-200mét đến giao (ngã ba) đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao (ngã ba) đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa) đến ranh giới xã Sơn Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
10.2	<b>Đường ĐT642:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư thôn Hòa Bình-200mét đến giao (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An Sơn Hòa)+200mét	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ giao (ngã tư) với đường tránh lũ Tuy An Sơn Hòa)+200mét đến ngã ba thôn Hòa Thuận+100mét	1,2	1,1	1,0	1,0
10.3	<b>Đường tránh lũ Tuy An-Sơn Hòa:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Long đến ranh nhà thờ Bác Hồ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh nhà thờ Bác Hồ đến ngã ba (giao với ĐT643)	1,3	1,0	1,0	1,0
10.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>11</b>	<b>Xã Sơn Hội</b>				
11.1	<b>Đường ĐT646:</b>				
-	Đoạn từ ranh giới xã Sơn Phước đến Cổng qua đường (ruộng lúa nước)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cổng qua đường (ruộng lúa nước) đến ngã tư chợ Trà Khê	1,3	1,0	1,0	1,0
11.2	<b>Đường ĐH 58:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Khê đến hết UBND xã	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ UBND xã đến giao đường ĐH 59	1,1	1,0	1,0	1,0
11.3	<b>Đường ĐH 59:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Khê đến hết ranh nhà ông Ba Bình	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba (nhà ông Ba Bình) đến hết ranh UBND xã+200mét	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ranh UBND xã+200mét đến đường vào đập hồ Tân Lương	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ đường vào đập hồ Tân Lương đến công (ruộng lúa nước) qua đường	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công qua đường (ruộng lúa nước) đến ranh xã Phước Tân	1,0	1,0	1,0	1,0
11.4	<b>Đường ĐT643:</b>				
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Kê đến ngã tư chợ Trà Kê+200mft1	1,3	1,1	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ Trà Kê+200mét đến Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm kiểm soát lâm sản của Ban quản lý rừng phòng hộ đến ranh giới xã Sơn Định	1,0	1,0	1,0	1,0
11.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
12	<b>Xã Cà Lúi</b>				
-	<b>Các đường, đoạn đường trong xã</b>				
+	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
13	<b>Xã Phước Tân</b>				
-	<b>Các đường, đoạn đường trong xã:</b>				
+	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	<b>Huyện Đồng Xuân</b>				
	<b>Vùng miền núi (10 xã)</b>				
1	<b>Xã Xuân Long</b>				
1.1	<b>Đường ĐT641:</b>				
-	Đoạn từ dốc Hồ Ó (giáp thị trấn La Hai) đến Bi bà Thiết	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Bi bà Thiết đến cầu Hồ Chông (Long Thạch)	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Hồ Chông (Long Thạch) đến giáp xã Xuân Lãnh	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ ĐT641 (từ ngã ba thôn Long Mỹ đến ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba ra Trạm bơm nước Long Mỹ đến giáp Long Bình-thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ Trường mẫu giáo đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ĐT641 (Trụ sở UBND xã mới) đến nhà ông Phạm Ngọc Hậu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trụ sở thôn Long Hòa đến cầu bà Đoi	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường mẫu giáo thôn Long Hòa đến nhà ông Dương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà bà Nguyễn Thị Chín đến nhà ông Mai Văn Lương	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba (nhà ông Nguyễn Bảy) đến giáp xóm khẩu thị trấn La Hai	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Xã Xuân Quang 2</b>				
2.1	<b>Đường La Hai-Đồng Hội:</b>				
-	Đoạn từ giáp thị trấn La Hai đến Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Số)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km3+804 (nhà ông Hồ Văn Số) đến Trạm bơm Vực Lò	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trạm bơm Vực Lò đến Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Nhà quản lý nước thôn Phú Sơn đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn đường từ ngã ba thôn Phước Huệ (nhà ông Võ Kim Sơn) đến ngã ba thôn Triêm Đức (nhà ông Đỗ Ngọc Nhờ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường tiêu học đến Công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công thôn văn hóa thôn Kỳ Đu đến Nhà máy chế biến đá ốp lát Tâm Tín	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ Bưu điện văn hóa đến chợ Đồng Tranh cũ	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Đính đến nhà ông Nguyễn Tân Đại	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư nhà ông Nguyễn Tân Đại đi Gò Cốc	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư (nhà ông Nguyễn Hữu Đính) đến Trường Hoàng Văn Thụ	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà ông Nguyễn Khắc Thành	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Phan Văn Thanh đến nhà ông Huỳnh Từ Ngọc Chấn	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	<b>Khu dân cư mới Thôn Triêm đức</b>	1,0			
2.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Xã Xuân Sơn Nam</b>				
3.1	<b>Đường ĐT641:</b>				
-	Đoạn từ giáp ranh huyện Tuy An đến cầu Bà Tâm	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Bà Tâm đến công Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến giáp Thị trấn La Hai	1,1	1,0	1,0	1,0
3.2	<b>Đường liên thôn: Đường ĐT641-cầu sắt Tân Long</b>				
-	Đường Tân Vinh-Tân Long: đoạn từ ĐT641 (nhà văn hóa Bưu điện) đến Cầu sắt Tân Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Tân Phú-Tân Long: đoạn từ ĐT641 (nhà bà Sen) đến cầu sắt Tân Long	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường từ Tân Long (Trường mẫu giáo tân long) đến Tân Hòa (nhà ông Lân)	1,0	1,0	1,0	1,0
3.3	<b>Đường ĐT641-Bầu Năng:</b>				
-	Đoạn từ cầu Tân Vinh đến nhà ông Đạo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sửu	1,2	1,0	1,0	1,0
3.4	<b>Đường giao thông nông thôn: Từ đường ĐT641 (cầu Chùa) đến cống ngầm</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
3.5	<b>Khu dân cư mới thôn Tân Vinh</b>	1,0	1,0	1,0	
3.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>4</b>	<b>Xã Xuân Lãnh</b>				
4.1	<b>Đường ĐT641:</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km0 (Mục Thịnh) đến cống thoát nước (nhà ông Mang Thúi)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn cống thoát nước (nhà ông Mang Thúi) đến cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều)	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ cống thoát nước (nhà ông Bùi Xuân Triều) đến cống Bảy Phẩm	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cống Bảy Phẩm đến Km7+000 (nhà máy Florit)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km7+000 (nhà máy Florit) đến Km9+020 (giáp xã Xuân Long)	1,1	1,0	1,0	1,0
4.2	<b>Đường ĐT644:</b>				
-	Đoạn từ cột mốc địa giới hành chính Xuân Lãnh-Đa Lộc đến Km33+600 (cầu Soi Thầy)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km33+600 (cầu Soi Thầy) đến Km34+450 (cầu Suối Kỳ)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km34+450 (cầu Suối Kỳ) đến giáp ĐT641	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	<b>Đường liên thôn:</b>				
-	Đoạn từ ĐT641 đến chợ Mới (giáp nhà ông Nguyễn Sơn Tùng)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Mới (nhà ông Nguyễn Sơn Tùng) đến giáp đường ĐT644	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT644 đến Công trường Chu Văn An	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	<b>Đường Lãnh Ván-Làng Đông:</b>				
-	Đoạn đường sắt Bắc Nam đến ngã ba gò Mã Đông	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba gò Mã Đông đến giáp xã Phú Mỹ	1,0	1,0	1,0	1,0
4.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
5	<b>Xuân Sơn Bắc</b>				
5.1	<b>Đường ĐT642:</b>				
-	Đoạn từ Km8+000 đến Km10+380 (cầu Cây Sung)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km10+380 (cầu Cây Sung) đến Km11+150 (nhà ông Đỗ Văn Năm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km11+150 (nhà ông Đỗ Văn Năm) đến dốc Đèo (nhà ông Phan Văn Núi)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ dốc Đèo (nhà ông Phan Văn Núi) đến Km12+500 (giáp thị trấn La Hai)	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5.2	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ đường ĐT642 đến Chùa Đồng Tròn (nhà bà Lê Thị Sương)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Chùa Đồng Tròn (nhà bà Lê Thị Sương) đến đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đèo ông Tứ (nhà ông Võ Hữu Tâm) đến giáp Mỹ Long-An Dân-Tuy An	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ công viên hóa thôn Tân Bình đến xóm Gò (nhà ông Võ Hồng Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường đi qua khu dân cư xóm gò (đoạn từ nhà ông Phan Đình Ba đến nhà ông Đỗ Văn Tân)	1,0			
5.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>6</b>	<b>Xã Xuân Quang 3</b>				
6.1	<b>Đường ĐT642:</b>				
-	Đoạn từ Km18+000 (đèo Ngang-giáp thị trấn La Hai) đến cầu Ông Dương	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Ông Dương đến cầu Trần Suối Ré	1,3	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trần Suối Ré đến cầu Trần Suối Bà Sào (giáp xã Xuân Phước)	1,2	1,0	1,0	1,0
6.2	<b>Đường Phước Lộc đến A20:</b>				
-	Đoạn từ ĐT642 đến Kênh N2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Kênh N2 đến giáp xã Xuân Phước (gộp đoạn từ Kênh N2 đến cầu tràn Sông Con và đoạn từ cầu tràn Sông Con đến giáp xã Xuân Phước)	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	<b>Đường liên xã Long Hà-Phước Lộc (từ nhà bà Trần Thị Thu Hiền đến giáp thị trấn La Hai)</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Tạ Thị Bê) đến nhà Hồ Thị Nhung	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Mai Xuân Hùng) đến nhà Phạm Văn Tiến	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Lý Thu	1,0			

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Cường) đến nhà Trần Minh Trung				
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Huỳnh Thị Thông) đến Suối Sâu	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Trần Vũ Đại) đến giáp đường Phước Lộc-A20	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Trần Văn Thọ) đến Kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Phan Văn Trương) đến Kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Nguyễn Tri Phường) đến Kênh N2	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT 642 (nhà Đỗ Nhơn) đến nhà Võ Thị Hương	1,0			
-	Đoạn từ đường ĐT642 (nhà Đỗ Văn Trinh) đến nhà ông Xu	1,0			
-	Đoạn từ đường Phước Lộc-A20 (nhà Nguyễn Thị Kinh Thái) đến nhà Võ Thị Yên	1,0			
-	Đoạn từ đường Phước Lộc-A20 (nhà Nguyễn Khánh Quốc) đến nhà Trần Việt Hùng	1,0			
6.5	<b>Khu dân cư Thạnh Đức</b>	1,0			
6.6	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	<b>Xã Xuân Phước</b>				
7.1	<b>Đường ĐT642:</b>				
-	Đoạn từ sới Bà Sào (giáp xã Xuân Quang 3) đến Km28+000 (cầu tràn thôn Phú Hội-Xuân Phước)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km28+000 (Phú Hội) đến giáp xã Sơn Định-Sơn Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
7.2	<b>Đường ĐT647:</b>				
-	Đoạn từ Km0+000 (ngã ba Phước Hòa đến Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km2+550 (nhà ông Nguyễn Tấn Hiền đến Km3+800 (trại A20)	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km3+800 (trại A20) đến giáp xã Xuân Quang 1	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	<b>Đường liên xã:</b>				
-	Đoạn từ ngã ba A20 đến địa phận xã Xuân Quang 3	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đoạn từ Phòng khám khu vực Xuân Phước giáp ngã tư Phú Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Khu tập thể lâm trường cũ đến cầu Suối Tía	1,2	1,0	1,0	1,0
-	Đường Phú Xuân B-Đồng Bò: Từ cầu ông Tư đến công Hồ chứa nước Phú Xuân	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ĐT642 đi Cai Thắng (điểm cuối nhà ông Lê Văn Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Đường ĐT647 đi xóm Đồng Bé-Phú Xuân B Xuân Phước (bổ sung mới)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường ĐT642 đi cây xoài (nhà ông Nguyễn Thắng) (bổ sung mới)	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>8</b>	<b>Xã Xuân Quang 1</b>				
8.1	<b>Đường ĐT647:</b>				
-	Đoạn từ giáp xã Xuân Phước đến cầu tràn dốc ông Thảo	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu tràn dốc ông Thảo đến cầu tràn Suối Cối 1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu tràn Suối Cối 1 đến cầu ông Chung)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Km16+000 đến Km32+000 (đoạn từ ruộng ông Ma Chiên đến Suối Tre ngôi làng Bà Đậu)	1,0	1,0	1,0	1,0
8.2	<b>Đường La Hai Đồng Hội:</b> đoạn từ giáp xã Xuân Quang 2 đến hết đường La Hai-Đồng Hội	1,0	1,0	1,0	1,0
8.3	<b>Đường giao thông nông thôn</b>				
-	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Lâu đến nhà Trần Thị Cậy	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Trường mầm non Xuân Quang 1 đến nhà ông Hồ Trọng Khanh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ chợ Sỏi Cối một đến nhà ông Phan Thế Vinh	1,0	1,0	1,0	1,0
8.4	<b>Khu dân cư thôn Suối Cối 2</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
8.5	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>9</b>	<b>Xã Đa Lộc</b>				

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9.1	<b>Đường ĐT644</b>				
-	Đoạn qua địa bàn thôn 3	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 2, 4, 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn qua địa bàn thôn 1, 6	1,0	1,0	1,0	1,0
9.2	<b>Đường giao thông nông thôn (BTCT)</b>				
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 2, 4, 5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường giao thông nông thôn thuộc thôn 3	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>10</b>	<b>Xã Phú Mỹ</b>				
10.1	<b>Đường ĐT647:</b>				
-	Đoạn từ suối Cà Ton đến suối La Hiêng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ suối La Hiêng đến Dốc Ruộng (cuối thôn Phú Tiên)	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Suối Mò O đến Sông Bà Đài	1,0	1,0	1,0	1,0
10.2	<b>Đường liên thôn:</b>				
-	Đường nội thôn Phú Đồng	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Hải	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường nội thôn Phú Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0
10.3	<b>Các đường, đoạn đường còn lại trong xã:</b>				
-	Khu vực 1; Khu vực 2	1,0	1,0	1,0	1,0

**PHỤ LỤC 3**

**HỆ SỐ GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC (2 VỤ)**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND  
 ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Huyện Tuy An</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng: Các xã, thị trấn</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi: xã Hòa Hội</b>	1,13	1,1	1,1	1,1
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>				
1	Thị trấn Củng Sơn, xã Sơn Hà	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Xã Krông Pa (khu vực Trạm bơm điện Buôn Lé bơm tưới), xã Suối Trai (khu vực công tự chảy của Hồ thủy điện tưới); Các xã còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Đồng Xuân (miền núi)</b>				
1	Thị trấn La Hai và các xã: Xuân Sơn Nam, Xuân Sơn Bắc, Xuân Quang 3, Xuân Phước	1,15	1,1	1,1	1,0
2	Các xã: Xuân Long, Xuân Lãnh, Đa Lộc, Xuân Quang 1, Xuân Quang 2, Phú Mỹ	1,1	1,1	1,0	1,0

**PHỤ LỤC 4****HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM  
(TRỪ ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC 2 VỤ)***(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND  
ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	Thị xã Sông Cầu				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã, phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> xã Xuân Lâm				
2.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng); các thửa đất tiếp giáp đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
2.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> xã Hòa Hội	1,13	1,1	1,1	1,1
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>				
1	Vùng đồng bằng: thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đông, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)				
-	Xã Hòa Mỹ Tây; Xã Hòa Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Xã Sơn Thành Đông	1,3	1,2	1,1	1,0
-	Xã Sơn Thành Tây	1,0	1,1	1,1	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Đồng Xuân (miền núi)</b>	1,15	1,1	1,1	1,0

**PHỤ LỤC 5**

**HỆ SỐ GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND  
ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	Thị xã Sông Cầu				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các phường	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng đồng bằng:</b> Các xã				
2.1	Đoạn từ Bắc cầu Tam Giang mới đến giáp ngã ba Triều Sơn (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với Quốc lộ 1A); đường ĐT642 (đoạn từ ngã ba Triều Sơn đến giáp ngã ba trong; áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đoạn đường)	1,0			
2.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
3	<b>Vùng miền núi:</b> xã Xuân Lâm				
3.1	Đường Phạm Văn Đồng (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường Phạm Văn Đồng); các thửa đất tiếp giáp với đường tuyến tránh Quốc lộ 1 (đoạn từ cầu Tam Giang mới đến cầu vượt)	1,0			
3.2	Các thửa đất còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>				
1	<b>Vùng đồng bằng:</b>				
-	<b>Thị trấn, các xã</b> (Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Trị, Hòa Định Đông, Hòa Định Tây; Hòa Quang Nam, Hòa Quang Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	<b>Vùng miền núi:</b> xã Hòa Hội	1,1	1,0	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>				
1	Vùng đồng bằng: thị trấn Phú Thứ và 6 xã (Hòa Tân Tây, Hòa Đông, Hòa Bình 1, Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Mỹ Đông)	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Vùng miền núi: 4 xã (Hòa Mỹ Tây, Hòa	1,1	1,0	1,0	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thịnh, Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây)				
VII	Huyện Sông Hình (miền núi)	1,1	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)	1,1	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đồng Xuân (miền núi)	1,15	1,1	1,1	1,0

**PHỤ LỤC 6**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND*  
*ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)*

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Thị xã Sông Cầu	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Huyện Tuy An	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Huyện Phú Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Huyện Đông Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Huyện Tây Hòa	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Huyện Sông Hinh (miền núi)	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Huyện Sơn Hòa (miền núi)	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Huyện Đông Xuân (miền núi)	1,1	1,1	1,1	1,0

**PHỤ LỤC 7****HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND  
ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Tên đường, đoạn đường</b>	<b>VT1</b>	<b>VT2</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Tuy Hòa</b>	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Thị xã Sông Cầu</b>	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Huyện Tuy An</b>	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Hòa</b>	1,0	1,0
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Hòa</b>	1,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Huyện Tây Hòa</b>	1,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Huyện Sông Hinh (miền núi)</b>	1,0	1,0
<b>VIII</b>	<b>Huyện Sơn Hòa (miền núi)</b>	1,0	1,0

**PHỤ LỤC 8**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT LÀM MUỐI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND  
ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất	
		VT 1	VT 2
	<b>Thị xã Sông Cầu</b>		
	<b>Vùng đồng bằng</b>		
1	Các xã: Xuân Bình, Xuân phương, Xuân Yên, Xuân Cảnh	1,0	1,0

**PHỤ LỤC 9**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC ĐẢO**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND  
ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh)

ST T	Tên đảo	Khu vực	Hệ số điều chỉnh giá đất					
			ODT	ONT	HNK	CLN	RSX	NTTS
1	Hòn Lau Dứa, xã An Phú	TP. Tuy Hòa		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Hòn Than, xã An Phú	TP. Tuy Hòa		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Hòn Yên, phường Xuân Đài	Tx Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
4	Cù lao Ông Xá, phường Xuân Đài	Tx Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
5	Nhất Tự Sơn (hòn Còng), Phường Xuân Thành	Tx Sông Cầu	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0
6	Hòn Một, xã Xuân Phương	Tx Sông Cầu		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Hòn Chùa, An Chấn	H. Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Cù Lao Mái Nhà, An Hải	H. Tuy An		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Đảo Hòn Nưa, xã Hòa Xuân Nam	H. Đông Hòa		1,2	1,2	1,2	1,2	1,2